

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM
*PTM AUTOMOBILE SERVICE, TRADING
AND MANUFACTURING JOINT STOCK
COMPANY*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 13/2026/CBTT-PTM
No.: 13/2026/CBTT-PTM

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2026
Hanoi, March 04, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức /Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM/ *PTM AUTOMOBILE SERVICE, TRADING AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY*

- Mã Chứng Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* PTM

- Địa chỉ/Address: 256 Kim Giang, Phường Định Công, TP Hà Nội/ *256 Kim Giang Street, Dinh Cong Ward, Hanoi City, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ/Tel.: +84(24)38552550

Fax: 84(24)35590352

- Email : ptmgroup@mgxaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM công bố thông tin: Báo cáo thường niên công ty năm 2025./ *PTM Automobile Manufacturing, Trading and Service Joint Stock Company announces information: Annual Report 2025.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/03/2026 **tại đường dẫn** www.otoptm.com.vn **./** *This information was published on the company's website on 04/03/2026 as in the link www.otoptm.com.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo thường niên 2025/ *Annual Report 2025*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật
Legal representative


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Mỹ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

otoptm.com.vn

Mục lục

01 Thông tin chung

- » Thông tin khái quát
- » Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- » Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- » Định hướng phát triển
- » Các rủi ro

02 Tình hình hoạt động trong năm

- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- » Tình hình tài chính
- » Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- » Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

03 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc /Ban Giám đốc

- » Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tình hình tài chính
- » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai
- » Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)
- » Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

04 IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty PTM

- » Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- » Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 Quản trị công ty

- » Hội đồng quản trị:
- » Ban Kiểm soát
- » Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,
- » Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

06 Báo cáo tài chính

- » Ý kiến kiểm toán
- » Báo cáo tài chính được kiểm toán
- » XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY PTM



01 Thông tin chung

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

• Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM
• Tên tiếng anh	: PTM AUTOMOBILE SERVICE, TRADING AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY
• Tên viết tắt	: PTM
• Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0101116000 đăng ký lần đầu ngày 09/03/2001, Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15/08/2025
• Vốn điều lệ	: 320.000.000.000 đồng
• Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 320.000.000.000 đồng
• Địa chỉ	: 256 Kim Giang, Phường Định Công, TP Hà Nội
• Số điện thoại	: 091 818 4646
• Số fax	: 024 35590352
• Website	: https://otoptm.com.vn
• Mã cổ phiếu	: PTM



05 | PTM - Báo cáo thường niên

Quá trình hình thành và phát triển

2001

» Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM được thành lập ngày 09/03/2001 theo thỏa thuận thành lập Công ty cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Nhựa kỹ thuật ngày 22/02/2000 dưới hình thức góp vốn của các thành viên là Viện máy và Dụng cụ công nghiệp, Công ty TNHH Tràn An, Công ty nhựa Thiếu niên Tiền phong.

2004

» Ngày 20/05/2004, Công ty TNHH Tràn An đã chuyển nhượng lại hết số cổ phần đóng góp vào Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Nhựa kỹ thuật là 5000 cổ phần cho Viện máy và Dụng cụ công nghiệp theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 56-05/HDCN.

» Ngày 05/08/2004 đổi tên thành Công ty cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC.

2009

» Ngày 16/01/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sàn giao dịch Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu là PTM.

2010

» Ngày 15/12/2010, Công ty đã phát hành thành công đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược là Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ ô tô Việt Nam (VISACO), với tổng giá trị đợt phát hành là 6 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 19,023 tỷ đồng. Do có sự thay đổi về cơ cấu cổ đông của Công ty PTM nên tại Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty được tổ chức vào ngày 08/01/2011, các cổ đông đã bầu ra Hội đồng quản trị mới và Ban kiểm soát mới.

2011

» Ngày 24/02/2011 đổi tên thành Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM

2011

» Ngày 29/07/2011, Công ty đã phát hành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược với tổng giá trị đợt phát hành là 22,977 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 42 tỷ đồng.

2015

» Ngày 15/05/2015, Công ty hủy niêm yết mã chứng khoán PTM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vì kết quả sản xuất kinh doanh bị thua lỗ 3 năm liên tục 2012, 2013, 2014 và chuyển sang đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom theo quy định.

2016

» Ngày 20/09/2016, công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh đã mua lại 3.894.208 cổ phiếu PTM, chiếm 92,72% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

2018

» Ngày 24/10/2018, Công ty được UBCKNN thông báo hủy đăng ký Công ty đại chúng.

» Ngày 28/11/2018, Công ty hủy đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do không còn đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng.

2024

» Ngày 16/02/2024, Công ty hoàn thành chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư, giá trị đợt phát hành là 38 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên thành 80 tỷ đồng.

» Ngày 25/07/2024, Công ty hoàn thành việc tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1 tăng vốn điều lệ lên 160 tỷ đồng.

» Ngày 08/10/2024, Công ty hoàn thành việc tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1 tăng vốn điều lệ lên 320 tỷ đồng

» Ngày 25/04/2025, Công ty được UBCKNN chấp thuận hoàn tất công ty đại chúng.

» Ngày 15/08/2025, Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn HOSE kể từ ngày giao dịch đầu tiên là 22/08/2025.

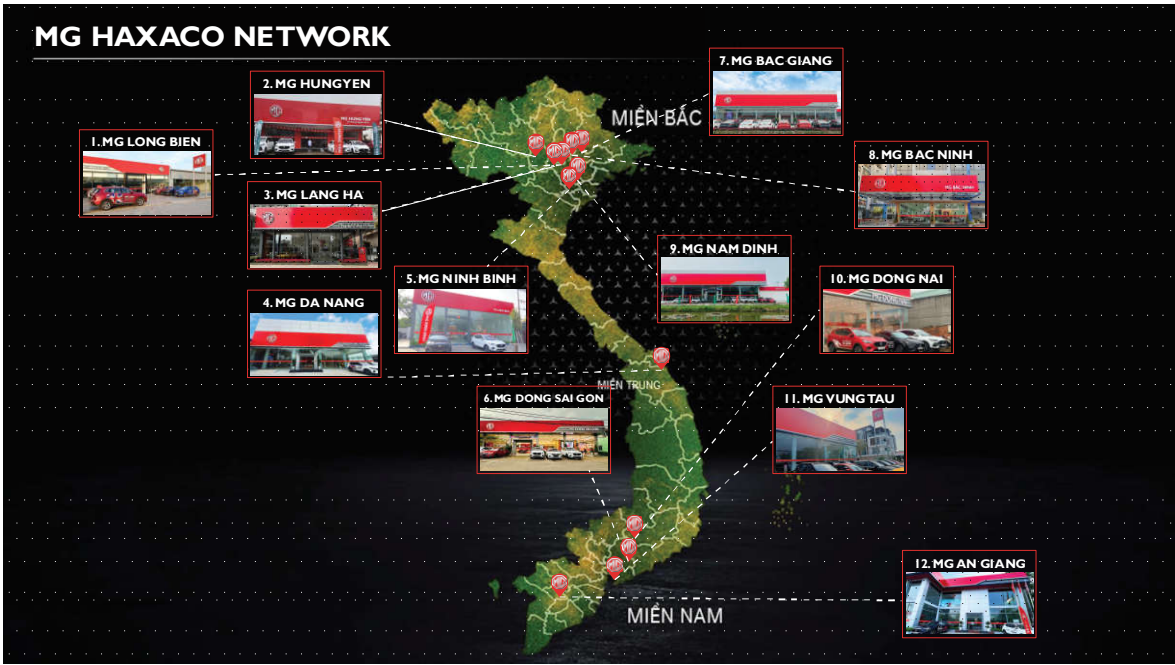
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)
- Cho thuê xe có động cơ
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm
- Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm

b. Địa bàn kinh doanh

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã và đang từng bước khẳng định thương hiệu và sự uy tín của mình trong ngành phân phối xe MG. MG (viết tắt của Morris Garages) là một thương hiệu ô tô có lịch sử lâu đời, được thành lập tại Anh Quốc vào năm 1924. Ban đầu nổi tiếng với những dòng xe thể thao hai cửa nhỏ gọn, MG dần phát triển thành một thương hiệu toàn cầu với dải sản phẩm đa dạng, từ xe sedan, hatchback đến SUV. Hiện nay, MG thuộc sở hữu của Tập đoàn SAIC Motor – một trong những nhà sản xuất ô tô lớn nhất Trung Quốc và nằm trong top đầu thế giới. Dưới sự đầu tư mạnh mẽ của SAIC, MG đã có bước chuyển mình ấn tượng, ứng dụng công nghệ hiện đại, tích hợp nhiều tính năng an toàn và giải trí thông minh, đồng thời vẫn duy trì mức giá cạnh tranh. Với triết lý “Xe của mọi nhà”, MG hướng đến việc mang lại trải nghiệm lái xe chất lượng, tiện nghi và an toàn cho đồng đảo người tiêu dùng. Thương hiệu này đang nhanh chóng mở rộng thị trường tại Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, nơi MG được phân phối chính thức bởi Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM. Công ty đã xây dựng được một hệ thống các đại lý phân phối xe MG, trải rộng khắp Bắc đến Nam.



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Hiện tại, Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau



3.2 . Diễn giải sơ đồ

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó; Quyết định số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty

3.2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ;
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT
Bà Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên HĐQT

3.2.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những Công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các Báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ;
- Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

Bà Phạm Thị Bán	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên Ban kiểm soát

3.2.4 Ban tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;
- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

Ông Trần Văn Mỹ

Tổng Giám đốc

3.2.5 Các phòng ban khác

Phòng Kế toán: Là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, BTGD về công tác tài chính kế toán, cụ thể là:

- Theo dõi, phản ánh sự lưu chuyển nguồn vốn kinh doanh của Công ty và tham mưu cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan đảm bảo việc luân chuyển vốn, sử dụng vốn của Công ty hiệu quả nhất;
- Kiểm tra, tính toán phân tích tài chính các hợp đồng, dự án của Công ty;
- Chịu trách nhiệm về số liệu Báo cáo tài chính kế toán trước Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cơ quan liên quan. Theo dõi phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn của Công ty trình BTGD, HĐQT phê duyệt;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ kế toán qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với công tác tổ chức kinh doanh theo yêu cầu của Công ty;
- Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả kinh doanh của Công ty;
- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ, kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ. Đề xuất xử lý các khoản hao hụt, mất mát, hư hỏng (nếu có);
- Xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê và Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Lập, tổng hợp đầy đủ và gửi đúng hạn báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ quy định;
- Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty;
- Nghiên cứu các chế độ chính sách trong lĩnh vực thuế, tài chính, thống kê, luật doanh nghiệp, ... của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đưa ra cách thực hiện phù hợp;
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho nội bộ bộ phận cũng như các bộ phận liên quan;
- Quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty; phát hành sổ cổ đông Công ty;
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán của Công ty.

Phòng Hành chính - Nhân sự: Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, BTGD để quản lý, điều hành Công ty trong lĩnh vực nhân sự. Phòng nhân sự có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT, BTGD xây dựng chiến lược phát triển nhân sự đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mô hình tổ chức bộ máy điều hành của Công ty;
- Xây dựng chính sách nhân sự và chế độ đãi ngộ hợp lý trong nội bộ Công ty. Chủ động đề xuất, trực tiếp xây dựng các quy định, quy chế nội bộ liên quan đến công tác hành chính và nhân sự của Công ty;
- Đảm bảo nguồn nhân lực cho các phòng ban thành viên; Điều phối, đánh giá công việc, giám sát hiệu quả sử dụng nhân lực của các phòng ban thành viên;
- Tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện kỷ luật lao động, các quy chế quản lý nội bộ. Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với CBCNV;
- Chịu trách nhiệm truyền thông nội bộ các vấn đề liên quan đến nhân sự để phát triển văn hóa doanh nghiệp;
- Hỗ trợ các bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự, công tác đào tạo nhân viên, cách thức tuyển dụng nhân sự, ...;

Phòng kinh doanh: Đây là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty, giúp việc cho HĐQT, BTGD ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh, nhiệm vụ cụ thể:

- Tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động phân phối sản phẩm, dịch vụ của Công ty hiệu quả và nhanh chóng nhất;
- Đảm bảo đầu vào và đầu ra của Công ty, duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng hiện có, đồng thời tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng;
- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện của các phòng ban, đơn vị; đảm bảo giao hàng đúng thời hạn theo đơn hàng đã cam kết với khách hàng và kịp thời đề xuất những phương án kinh doanh hiệu quả nhất;
- Đề xuất các chiến lược marketing cũng như các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh theo từng giai đoạn cụ thể;
- Lập và phân bổ kế hoạch kinh doanh hàng năm cho Công ty, hàng quý và hàng tháng cho các đơn vị;
- Chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc Công ty về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ đã được giao.

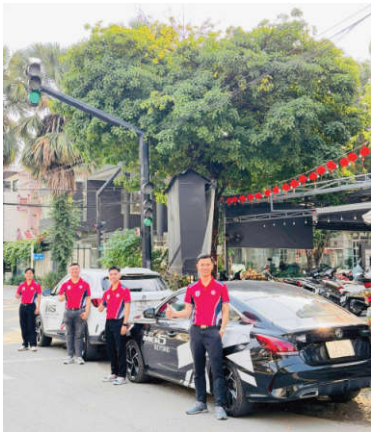


Phòng dịch vụ:

- Tiếp nhận các thông tin về khiếu nại của khách hàng, ghi nhận ý kiến của khách hàng để cải tiến Công ty, đưa ra phương hướng xử lý, trình cấp trên xin ý kiến và thảo luận tại cuộc họp giao ban.
- Phối hợp với phòng marketing để thực hiện các chương trình khuyến mãi, phân tích những lợi ích của khách hàng nhận được, nhằm phát huy cao nhất hiệu quả của kế hoạch marketing.
- Lên kế hoạch thăm hỏi khách hàng thường xuyên, tặng quà cho khách trong dịp lễ, tết, ngày khai trương, ngày sinh nhật của Công ty.
- Theo dõi bảo hành sản phẩm, kiểm tra hoạt động bảo hành, hoạt động bảo trì sửa chữa để nắm được mức hài lòng của khách hàng.
- Tổ chức thực hiện đo lường mức độ hài lòng của khách hàng.
- Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất giải pháp cải tiến.

Phòng Marketing: Là phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực Marketing, chuẩn bị kế hoạch Marketing, xây dựng thương hiệu và kết nối các kênh truyền thông khác nhau bao gồm trang web, các phương tiện truyền thông digital, các kênh truyền thông truyền thống và các kênh khác... Phòng marketing thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Định vị, xây dựng duy trì, phát triển các hoạt động Marketing, quảng bá thương hiệu, quản lý nhất quán thông điệp của Công ty trong các chiến dịch marketing, quảng cáo, truyền thông, ... trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động quan hệ công chúng, đối ngoại và đối nội.
- Thực hiện thiết kế, quản lý hình ảnh của Công ty, của các sản phẩm dịch vụ, các hình thức thể hiện logo thương hiệu thống nhất tại các trụ sở địa điểm làm việc và kinh doanh của Công ty.
- Triển khai thực hiện các kế hoạch, hoạt động quảng cáo, tiếp thị cho các sản phẩm, dịch vụ của phòng kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch, quản lý chi phí hoạt động marketing theo từng thời kỳ, phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp, hỗ trợ các phòng ban khác trong Công ty để thực hiện các Công việc liên quan đến chiến dịch marketing. Phối hợp với các bộ phận khác để đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng cũng như đảm bảo thực hiện đúng quy định của Pháp luật và của Công ty.



Phòng đào tạo Phòng đào tạo đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện hiệu suất làm việc của đội ngũ nhân viên, đồng thời kiến tạo thêm nhiều cơ hội giúp họ tiến xa hơn trong sự nghiệp. Phòng đào tạo có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời thực hiện công tác tổ chức và quản lý các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn và kiến thức cho đội ngũ nhân viên.

Phòng đào tạo có các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu và xác định nhu cầu đào tạo: trước tiên, Phòng tiến hành phân tích nhu cầu của Công ty; kế tiếp sẽ phân tích yêu cầu công việc và trình độ của nhân viên; sau đó phân tích kỹ năng hiện tại của nhân viên; cuối cùng là xác định mục tiêu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cụ thể.
- Xây dựng chương trình và hoạch định ngân sách đào tạo: xây dựng các nội dung giảng dạy, các phương tiện phục vụ cho việc đào tạo, giáo trình, tài liệu... Ngân sách đào tạo bao gồm chi phí cho việc học (tiền lương, chi phí nguyên vật liệu cho việc học tập ...) và chi phí cho việc đào tạo (các khoản chi cho người quản lý, người dạy học, và chi phí cho các dụng cụ giảng dạy như máy chiếu, tài liệu, chương trình học tập, ...)
- Thực hiện công tác đào tạo: đảm bảo tất cả nhân viên tham gia vào chương trình đào tạo đều nắm rõ nội dung, mục đích của chương trình đào tạo, đồng thời chuẩn bị sẵn tâm thế tiếp nhận đào tạo.
- Nghiên cứu và sáng tạo các chương trình đào tạo mới: Dựa trên các thông tin và đánh giá kết quả thu được từ chương trình đào tạo trước đó, Phòng sẽ tiến hành nghiên cứu và sáng tạo ra các chương trình đào tạo mới. Phòng đào tạo cũng khảo sát lấy ý kiến của nhân viên sau khi các chương trình đào tạo kết thúc để có phương án thay đổi hiệu quả nhất.
- Xây dựng chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Công ty: Tùy thuộc vào mục tiêu kinh doanh tại các thời kỳ cụ thể mà xây dựng các chính sách đào tạo phù hợp. Áp dụng chính sách vào hoạt động thực tế của Công ty. Từ đó đánh giá những thành công và hạn chế để từng bước hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế và bối cảnh xã hội.
- Báo cáo về hiệu quả đào tạo, lộ trình đào tạo và phát triển của nhân viên: Phòng đào tạo có nhiệm vụ cung cấp các báo cáo phân tích, thống kê, đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động đào tạo cũng như lộ trình đào tạo và phát triển của nhân viên. Từ đó Ban giám đốc có thể đưa ra những quyết định chính sách phù hợp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên.

Phòng IT

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển Công nghệ thông tin trong từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Thực hiện báo cáo về tình trạng hoạt động Công nghệ thông tin và đề ra hướng giải quyết sự cố liên quan đến hệ thống Công nghệ thông tin.
- Chịu trách nhiệm điều hành và quản lý hoạt động Công nghệ thông tin.
- Quản lý, đảm bảo cơ sở hạ tầng về kỹ thuật công nghệ thông tin cho các hoạt động trong Công ty.
- Tư vấn triển khai giải pháp phần mềm quản lý, đào tạo cho Công ty.
- Thiết kế và dự toán kinh phí xây dựng các hệ thống Công nghệ thông tin, triển khai các hệ thống ứng dụng.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và các phương tiện, trang thiết bị được giao

4. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

4.1 Công ty mẹ

• Tên công ty	: Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
• Trụ sở	: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP.Hồ Chí Minh
• Vốn điều lệ đăng ký	: 1.074.396.810.000 đồng
• Vốn điều lệ thực góp	: 1.074.396.810.000 đồng
• Ngành nghề kinh doanh chính	: Kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.
• Giấy chứng nhận ĐKKD	: số 0302000126 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh Cấp lần đầu ngày 17/05/2000, thay đổi lần thứ 34 ngày 20/09/2025
• Tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM:	: 51,619%

4.2 Công ty con

• Tên công ty	: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt.
• Trụ sở	: Số nhà 97 đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng.
• Vốn điều lệ đăng ký	: 15.000.000.000 đồng.
• Giấy chứng nhận ĐKKD	: số 0800447502, cấp ngày 24/03/2008.
• Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt:	: 99,33%



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

TẦM NHÌN

Trở thành đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phân phối xe MG, kiến tạo xu hướng và định vị vị thế dẫn đầu thị trường.

SỨ MỆNH



ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Chúng tôi đặt khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động, nỗ lực mang đến dịch vụ chất lượng cao và trải nghiệm nhất quán tại toàn bộ hệ thống. Thông qua việc lắng nghe phản hồi và liên tục hoàn thiện quy trình phục vụ, Công ty hướng tới xây dựng niềm tin và sự đồng hành bền vững cùng khách hàng.



ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC

Công ty luôn đề cao uy tín trong mọi quan hệ hợp tác, thực hiện đầy đủ cam kết với cổ đông và đối tác trên cơ sở minh bạch, trung thực và tuân thủ quy định pháp luật. Hoạt động công bố thông tin được thực hiện rõ ràng, kịp thời; quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối tác được tôn trọng và bảo đảm. Chúng tôi hướng tới xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài trên tinh thần tin cậy, chia sẻ và cùng phát triển, vì mục tiêu gia tăng giá trị bền vững cho tất cả các bên liên quan.



ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Công ty định hướng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và gắn kết, nơi mỗi cá nhân được tôn trọng, ghi nhận và tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực. Chúng tôi chú trọng chính sách phát triển nhân sự theo hướng công bằng, tạo cơ hội thăng tiến dựa trên năng lực và hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo và học hỏi không ngừng; thúc đẩy văn hóa hợp tác và chia sẻ nhằm xây dựng đội ngũ vững mạnh, đồng hành cùng sự phát triển lâu dài của Công ty.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



CON NGƯỜI

: PTM xác định nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất. Đội ngũ nhân viên có chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao và thái độ phục vụ tận tâm chính là nền tảng quan trọng góp phần tạo dựng uy tín và thành công của Công ty.



UY TÍN

PTM xác định uy tín là giá trị cốt lõi trong mọi hoạt động. Việc thực hiện đúng cam kết, duy trì chất lượng và hành xử minh bạch, trách nhiệm với khách hàng, đối tác và cộng đồng là nền tảng để Công ty tạo dựng niềm tin lâu dài và phát triển bền vững.



LINH HOẠT

PTM luôn duy trì khả năng thích ứng nhanh trước biến động của thị trường, linh hoạt trong điều hành và ra quyết định, qua đó tạo nên sự khác biệt và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục giữ vững vị thế là nhà phân phối hàng đầu của MG tại Việt Nam.
- Tập trung nguồn lực đánh giá, dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời về tình hình kinh tế thị trường trong nước và quốc tế để đề ra các giải pháp ứng phó phù hợp với những biến động của thị trường, đảm bảo sự an toàn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tăng cường số hóa, quản trị hoạt động và vai trò quản lý của Công ty mẹ tới các đơn vị thành viên
- Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với đối tác, ngân hàng chiến lược.

a. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Mở rộng mạng lưới phân phối: Công ty dự kiến từng bước phát triển thêm các showroom và điểm bán hàng tại các thành phố lớn cũng như các khu vực có tiềm năng tiêu thụ cao. Việc mở rộng được triển khai theo lộ trình phù hợp với nguồn lực tài chính và nhu cầu thị trường, đảm bảo mỗi cơ sở mới hoạt động hiệu quả, đóng góp doanh thu ổn định.
- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm: Công ty phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam (SMV) để kịp thời đưa ra thị trường các mẫu xe mới, đặc biệt là các dòng xe tiết kiệm nhiên liệu và xe điện – phù hợp với xu hướng tiêu dùng và định hướng phát triển của ngành ô tô Việt Nam. Sự đa dạng trong danh mục sản phẩm giúp Công ty đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng và giảm rủi ro tập trung vào một nhóm sản phẩm.
- Chuyển đổi số và tối ưu vận hành: Công ty định hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ chuỗi hoạt động, từ quản lý bán hàng, kho vận, dịch vụ hậu mãi đến chăm sóc khách hàng. Việc áp dụng hệ thống quản trị tập trung và phân tích dữ liệu giúp Công ty theo dõi hiệu quả quy trình bán hàng, kiểm soát tồn kho và lịch bảo dưỡng, cũng như nắm bắt phản hồi của khách hàng một cách kịp thời. Qua đó, Công ty không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý và giảm chi phí vận hành, mà còn rút ngắn quy trình xử lý, tăng tính minh bạch và cải thiện đáng kể trải nghiệm khách hàng cả ở kênh trực tiếp lẫn trực tuyến
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực: Song hành với mở rộng quy mô kinh doanh, Công ty coi con người là nền tảng phát triển bền vững. Công ty tập trung đào tạo đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, am hiểu sản phẩm và công nghệ xe mới, đồng thời xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên chất lượng cao cho mảng dịch vụ hậu mãi, nhằm tạo dựng lợi thế cạnh tranh lâu dài

b. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Phát triển bền vững:

- **Môi trường:** Công ty định hướng cung cấp các dòng xe MG đa dạng, gồm cả xe xăng và xe điện, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường đồng thời thúc đẩy việc sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Công ty cũng chú trọng quản lý chất thải trong hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành showroom, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.
- **Xã hội:** Công ty chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự bền vững, đảm bảo môi trường làm việc minh bạch, công bằng và có cơ hội thăng tiến cho nhân viên. Trong ngắn hạn, Công ty triển khai các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng cho đội ngũ bán hàng và kỹ thuật, đặc biệt liên quan đến các dòng xe mới và dịch vụ hậu mãi.
- **Cộng đồng:** Công ty hướng tới tăng cường trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động cộng đồng như an toàn giao thông, hỗ trợ giáo dục, và các chương trình thiện nguyện. Trong trung hạn, Công ty dự kiến triển khai các sáng kiến hỗ trợ cộng đồng liên quan đến giao thông xanh, an toàn và bền vững.

6. CÁC RỦI RO:

6.1 Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

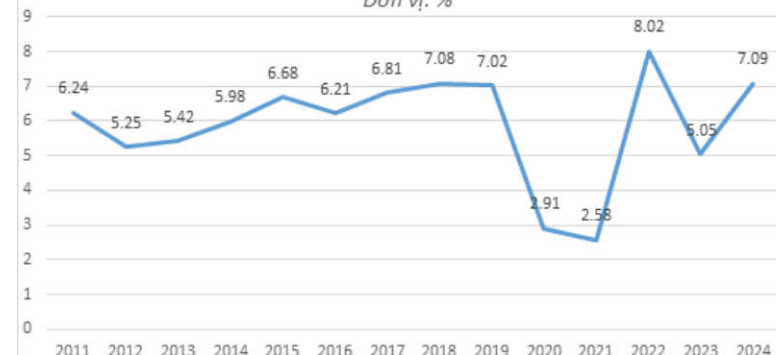
Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, năm 2024 tiếp tục ghi nhận nhiều biến động khó lường. Không chỉ dừng lại ở những tác động kéo dài của đại dịch Covid-19, căng thẳng địa chính trị gia tăng ở nhiều khu vực đã khiến bức tranh kinh tế thế giới thêm phần bất ổn. Cuộc chiến Nga – Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, trong khi xung đột Israel – Hamas lại làm gia tăng lo ngại rằng Mỹ, Iran hay một quốc gia vùng Vịnh khác có thể bị cuốn vào vòng xoáy căng thẳng. Điều này tiềm ẩn nguy cơ làm đảo lộn trật tự trên thị trường dầu mỏ toàn cầu. Cùng với đó, các vụ tấn công của lực lượng Houthis vào tàu thương mại tại Biển Đỏ đã buộc nhiều chủ tàu phải thay đổi tuyến vận tải, đẩy chi phí vận chuyển tăng gấp ba lần (theo Phòng Thương mại Anh). Chi phí vận tải và năng lượng leo thang gây tác động lan tỏa lên giá hàng hóa, ảnh hưởng trực tiếp đến nỗ lực kiềm chế lạm phát, đồng thời làm gia tăng khả năng các ngân hàng trung ương tiếp tục duy trì mức lãi suất cao trong thời gian dài hơn dự kiến.

Tại Việt Nam, nền kinh tế cũng đối mặt với những khó khăn nhất định. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7,09%, vượt mục tiêu 6,5% mà Quốc hội đặt ra và cao hơn mức tăng trưởng của năm trước. Mức này chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. Đáng chú ý, GDP bình quân đầu người năm 2024 đã đạt 4.700 USD, tăng 377 USD so với cùng kỳ năm 2023. Bên cạnh đó, tỷ lệ sở hữu ô tô trung bình đạt khoảng 50 xe trên 1.000 dân, cùng với tốc độ đô thị hóa nhanh và sự gia tăng của tầng lớp trung lưu, tạo kỳ vọng cho nhu cầu tiêu thụ ô tô bùng nổ trong giai đoạn tới. Đối với ngành ô tô, năm 2024 vẫn được xem là một năm đầy khó khăn. Suy thoái kinh tế khiến người dân cắt giảm chi tiêu, dẫn đến tình trạng trì hoãn quyết định mua xe, cho dù giá nhiều mẫu đã giảm mạnh. Doanh số toàn ngành sụt giảm làm giảm nguồn thu của các doanh nghiệp sản xuất và phân phối ô tô, đồng thời ảnh hưởng đến thu ngân sách từ thuế, phí liên quan. Hệ quả kéo theo là sự suy giảm của các ngành công nghiệp hỗ trợ, gia tăng áp lực lên triển vọng kinh doanh trong ngắn hạn.

Bước sang năm 2025, triển vọng kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Diễn biến địa chính trị phức tạp, lãi suất quốc tế duy trì ở mức cao và rủi ro từ chi phí vận tải, năng lượng tiếp tục có thể tạo áp lực lên lạm phát. Đối với Việt Nam, dù nền tảng tiêu dùng và nhu cầu ô tô trung hạn được đánh giá khả quan, nhưng trong ngắn hạn, sức cầu của thị trường có thể chưa hồi phục mạnh. Đây là yếu tố rủi ro đáng chú ý đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành ô tô.

Biểu đồ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011 - 2024

Đơn vị: %

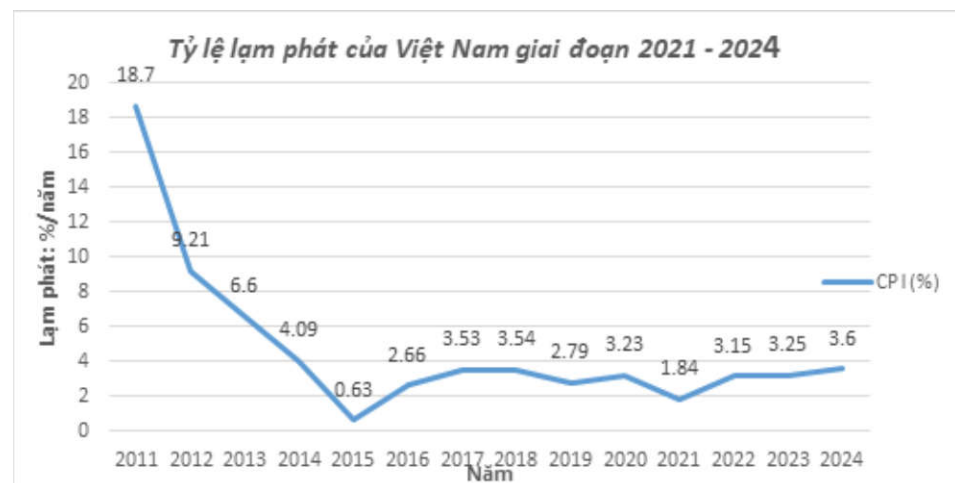


Lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính, sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Công ty. Trong ngành ô tô, khi lạm phát tăng, người tiêu dùng có xu hướng thắt chặt chi tiêu, trì hoãn hoặc thu hẹp nhu cầu mua sắm các sản phẩm có giá trị lớn như ô tô. Đồng thời, lạm phát cũng làm gia tăng chi phí nhập khẩu linh kiện, nhiên liệu, logistics và chi phí hoạt động của Công ty, ảnh hưởng đến lợi nhuận.

Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% thông qua việc áp dụng chính sách tài khóa chặt chẽ và chính sách tiền tệ linh hoạt. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2021 tăng 1,84% so với năm trước – mức thấp nhất kể từ năm 2016. Năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, chủ yếu do tác động từ giá nhiên liệu, chi phí vận chuyển và nguyên liệu đầu vào. Sang năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm 2022, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Đến cuối năm 2024, CPI bình quân ước tăng khoảng 3,6% so với năm 2023, dưới mức mục tiêu Quốc hội đề ra.

Đối với Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM, lạm phát cao sẽ tạo áp lực kép: một mặt làm giảm nhu cầu tiêu dùng, mặt khác làm tăng chi phí hoạt động. Dù Công ty đã và đang triển khai nhiều biện pháp tối ưu hóa chi phí, đa dạng hóa nguồn cung và điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp, song rủi ro từ lạm phát vẫn có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của Công ty trong tương lai.



Lãi suất

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro hệ thống có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM. Lãi suất biến động sẽ tác động đến chi phí vốn vay, khả năng huy động tài chính cũng như chi phí đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, năm 2022 tín dụng toàn nền kinh tế tăng trưởng 14,5% so với cuối năm 2021, trong khi mặt bằng lãi suất huy động phổ biến ở mức 9–10%/năm đối với kỳ hạn 12 tháng. Điều này tạo áp lực lớn lên chi phí vốn của doanh nghiệp. Sang năm 2023, lãi suất huy động đã giảm bình quân từ 2,5%–3% so với đầu năm, lãi suất cho vay cũng có xu hướng hạ nhiệt vào nửa cuối năm, phổ biến giảm thêm 0,5–2%/năm so với năm 2022. Đến năm 2024, lãi suất huy động bình quân tăng thêm 0,73% so với cuối năm 2023 nhưng lãi suất cho vay bình quân giảm 0,59%/năm. Nhóm ngân hàng thương mại nhà nước đã giảm lãi suất cho vay trung bình khoảng 1%/năm so với cuối năm 2023. Việc ổn định mặt bằng lãi suất góp phần duy trì mục tiêu kiểm soát lạm phát 3,63% và tăng trưởng GDP 7,09% trong năm 2024. Đối với Công ty PTM, biến động lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính bởi Công ty sử dụng vốn vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư vào hoạt động kinh doanh ô tô. Khi lãi suất tăng, chi phí lãi vay của Công ty sẽ gia tăng, từ đó làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Ngược lại, trong bối cảnh lãi suất có xu hướng giảm từ năm 2023–2024, Công ty sẽ có điều kiện thuận lợi hơn trong việc giảm chi phí vốn vay, cải thiện khả năng cạnh tranh về giá và nâng cao hiệu quả tài chính.

Để hạn chế rủi ro từ biến động lãi suất, Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường tiền tệ, xây dựng cơ cấu tài chính hợp lý và duy trì quan hệ tín dụng chặt chẽ với các ngân hàng thương mại, nhằm đảm bảo tiếp cận các nguồn vốn vay với lãi suất phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng chủ động cân nhắc tỷ lệ sử dụng vốn vay trong từng giai đoạn kinh doanh, để vừa đáp ứng nhu cầu vốn, vừa giảm thiểu tác động bất lợi từ biến động lãi suất trong tương lai.



6.2 Rủi ro pháp luật

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, Chính phủ luôn hành động kịp thời, cập nhật, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật để hoàn thiện hơn các chính sách, phù hợp với từng giai đoạn. Đặc biệt, với chủ trương thu hút nhà đầu tư nước ngoài, hướng đến thị trường vốn phát triển lành mạnh theo thông lệ quốc tế, các quy định quản trị nhằm minh bạch hóa thông tin được điều chỉnh ngày càng chi tiết, chặt chẽ. Công ty luôn theo dõi và cập nhật những quy định mới nhất, có những đánh giá, nhận định phù hợp, và linh hoạt điều chỉnh các kế hoạch để đáp ứng yêu cầu luật định. Bên cạnh khung pháp lý chung đối với các doanh nghiệp tại thị trường Việt Nam, Công ty còn phải tuân thủ các quy định riêng của ngành. Cụ thể, Việt Nam tích cực tham gia cuộc chiến chống biến đổi khí hậu với cam kết giảm lượng phát thải khí nhà kính về 0 (Net Zero) vào năm 2050, theo đó, xây dựng đề án và nhiệm vụ, nội luật hóa các cam kết quốc tế để tổ chức thực hiện. Trong đó, đẩy mạnh hỗ trợ xe sử dụng năng lượng tái tạo, có thể tác động đến mặt trận cạnh tranh giữa các xe xăng truyền thống trên thị trường.

Ngành công nghiệp ô tô ngày càng có vai trò quan trọng khi chính phủ thực hiện các công cụ kích cầu tiêu dùng, do đó, mức độ phức tạp của ngành ngày một nâng cao với sự xuất hiện của nhiều quy định mới và các mô hình kinh doanh mới. Chẳng hạn quy định về thuế trước bạ, quy định về thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt, ... Để hạn chế các quy định mới có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng theo dõi chặt chẽ thay đổi trong chính sách và đánh giá mức độ ảnh hưởng. Song song đó, kiểm tra và đánh giá định kỳ để cải thiện tiêu chuẩn dịch vụ và tối ưu hóa hệ thống mạng lưới nhằm giải quyết các rủi ro tiềm ẩn.

Bên cạnh các quy định ảnh hưởng do đặc thù ngành, với đặc trưng cần không gian để trưng bày, các đại lý ô tô còn chịu ảnh hưởng bởi chi phí đầu tư và chi phí thuê mặt bằng. Những thay đổi chính sách liên quan đến tiền thuê đất hoặc siết chặt room tín dụng đối với bất động sản có thể là yếu tố trọng yếu ảnh hưởng mà các công ty cần quan tâm. Để phòng ngừa rủi ro, Công ty luôn theo dõi biến động kinh tế vĩ mô, đọc hiểu Luật đất đai vừa được ban hành, để chuẩn bị đầy đủ nguồn lực tài chính trước rủi ro.



6.3 Rủi ro cạnh tranh

Ngành ô tô Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển, nhu cầu sở hữu xe cá nhân gia tăng nhờ thu nhập bình quân đầu người tăng, cơ sở hạ tầng giao thông được cải thiện và chính sách hỗ trợ từ Nhà nước. Tuy nhiên, đây cũng là ngành tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sức mua ô tô phụ thuộc lớn vào yếu tố vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, chính sách tín dụng, phí trước bạ và thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, sự tham gia của nhiều thương hiệu quốc tế (Toyota, Hyundai, Kia, Mazda, VinFast...) tạo áp lực lớn về giá bán, chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi đối với các doanh nghiệp phân phối. Nếu thị trường suy giảm hoặc khách hàng dịch chuyển sang các thương hiệu khác, doanh thu và lợi nhuận của Công ty có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM hiện đang nhập khẩu và phân phối xe MG tại Việt Nam thông qua Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam (SMV) – đơn vị đại diện chính thức của Tập đoàn SAIC tại thị trường Việt Nam. Do vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc đáng kể vào chính sách kinh doanh, chiến lược phát triển sản phẩm, điều khoản thương mại và tiến độ cung ứng từ SMV.

Trong trường hợp SMV thay đổi chính sách phân phối, điều chỉnh giá bán, chậm tiến độ giao hàng hoặc hạn chế số lượng cung ứng, Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì nguồn hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, thị phần và hiệu quả kinh doanh.

Thị trường ô tô Việt Nam có sự tham gia của nhiều thương hiệu lớn (Toyota, Hyundai, Kia, Mazda...) với hệ thống phân phối rộng khắp và thương hiệu đã được khẳng định. Trong khi đó, MG là thương hiệu mới quay trở lại thị trường Việt Nam từ năm 2020, mức độ nhận diện còn hạn chế, niềm tin của khách hàng chưa cao. Việc PTM phân phối một thương hiệu mới nổi khiến Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh mạnh mẽ cả về giá bán, chất lượng dịch vụ hậu mãi lẫn thương hiệu.



6.4 Rủi ro môi trường, thiên tai, dịch bệnh.....

Bên cạnh những rủi ro trên, các rủi ro bất khả kháng Công ty phải đối mặt như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh, ... luôn được Công ty xem xét và đánh giá. Các rủi ro không thể dự báo này có thể ảnh hưởng đánh kể đến nhân sự, tài sản, tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng từ những rủi ro không thể kiểm soát, PTM thực hiện chặt chẽ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn.... Công ty thường xuyên kiểm tra các thiết bị, hệ thống để đảm sự hoạt động trong trường hợp khẩn cấp. Đồng thời, phối hợp nâng cao nhận thức thông qua các hoạt động huấn luyện, diễn tập nhằm trang bị các kỹ năng cần thiết để xử lý kịp thời và chu đáo các tình huống xảy ra bất ngờ đối với Công ty.

Ngoài ra, để bảo vệ người lao động và tài sản, Công ty đã mua bảo hiểm cho nhân viên và toàn bộ tài sản công ty. Bảo hiểm này giúp đảm bảo rằng khi xảy ra sự cố, Công ty có nguồn lực tài chính để xử lý và giảm thiểu thiệt hại không đáng có. Điều này không chỉ làm tăng khả năng ứng phó với những tình huống bất ngờ mà còn giữ cho hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và bền vững.





02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

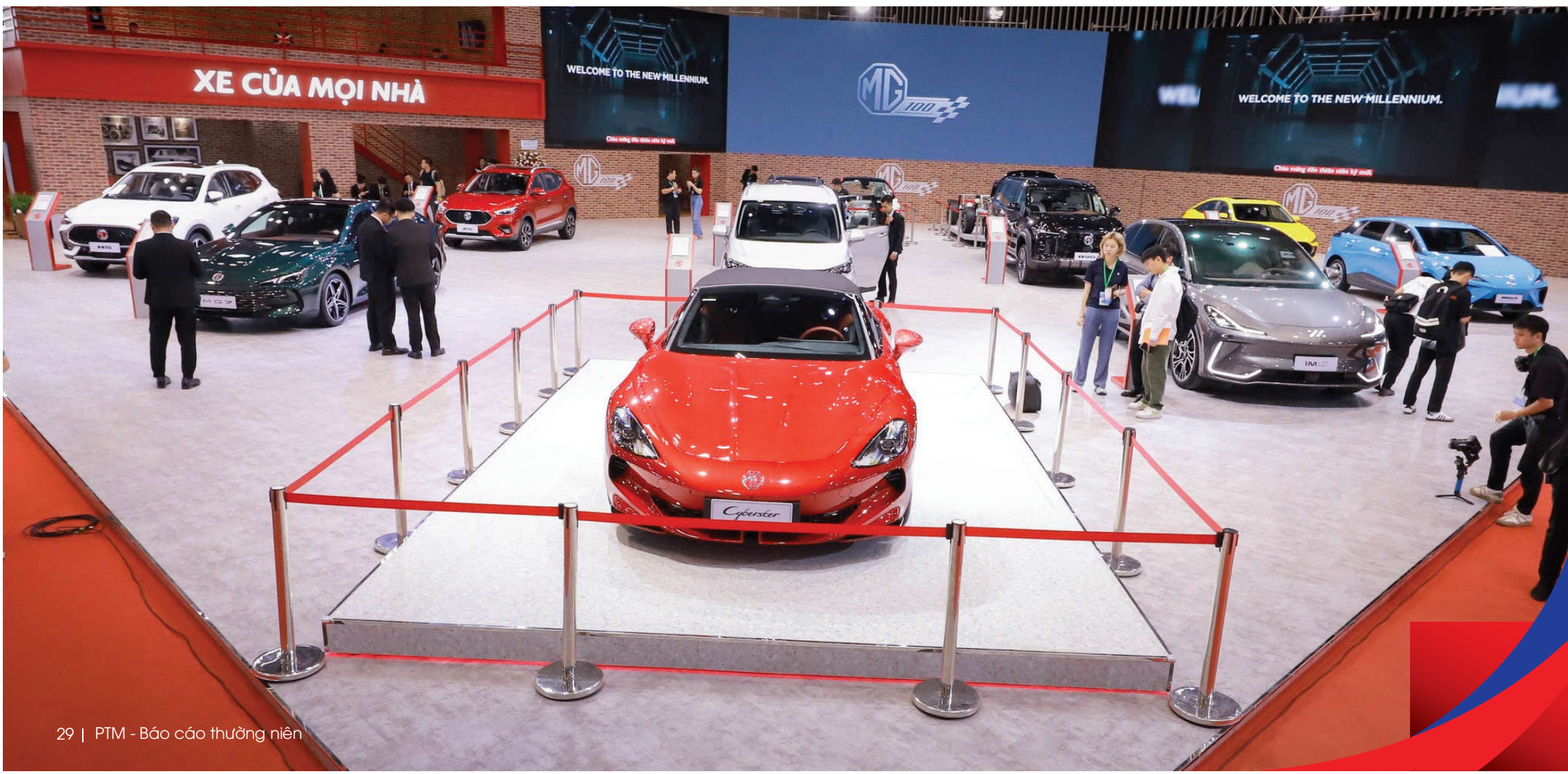
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. BỐI CẢNH CHUNG CỦA THỊ TRƯỜNG

Năm 2025, thị trường ô tô Việt Nam ghi nhận tín hiệu phục hồi, tuy nhiên mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt trong nhóm xe nhập khẩu và các thương hiệu áp dụng chính sách giá linh hoạt. Phân khúc xe MG chịu áp lực đáng kể từ các thương hiệu như Toyota, Hyundai, Kia, Mazda... vốn đã xây dựng uy tín lâu năm và sở hữu hệ thống phân phối rộng khắp. Bên cạnh đó, các dòng xe điện và hybrid, dù chưa thể thay thế hoàn toàn xe sử dụng động cơ xăng truyền thống, nhưng đã ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, góp phần gia tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường. Một bằng lái suất cho vay mua ô tô có xu hướng giảm đã hỗ trợ nhu cầu tiêu dùng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy doanh số. Tuy nhiên, tâm lý chi tiêu thận trọng cùng sự đa dạng lựa chọn sản phẩm khiến áp lực duy trì thị phần và biên lợi nhuận ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp và đại lý kinh doanh ô tô đang phải đối mặt với sức ép cạnh tranh ở mức cao chưa từng có khi thị trường bước vào giai đoạn sàng lọc quyết liệt. Những đơn vị thiếu nền tảng tài chính vững chắc, quản trị kém hiệu quả hoặc chậm thích ứng với biến động thị trường sẽ đứng trước nguy cơ suy giảm nghiêm trọng về thị phần và hiệu quả kinh doanh, thậm chí bị đào thải khỏi thị trường.



2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	% Tăng/Giảm
1	Doanh thu thuần	1.414.572	1.304.025	-8%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	132.509	-1.400	-101%
4	Lợi nhuận trước thuế	160.379	45.292	-72%
5	Lợi nhuận sau thuế	128.148	35.899	-72%

b. Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất

STT	Doanh thu thuần	TH 2024	Tỷ trọng 2024	TH 2025	Tỷ trọng 2025	% Tăng/Giảm
1	Doanh thu kinh doanh xe	1.382.787	97,75%	1.245.531	95,51%	-10%
2	Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	12.252	0,87%	44.289	3,40%	261%
3	Doanh thu hoạt động khác	19.533	1,38%	14.205	1,09%	-27%
4	Doanh thu thuần	1.414.572	100,00%	1.304.025	100,00%	-8%

Năm 2025, dù ngành ô tô tiếp tục chịu tác động từ áp lực cạnh tranh cao và xu hướng thu hẹp biên lợi nhuận trên diện rộng, Công ty vẫn đạt doanh thu 1.304 tỷ đồng, chỉ giảm 8% so với năm trước. Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, đây là kết quả thể hiện sự nỗ lực lớn và năng lực thích ứng hiệu quả của Công ty. Thành quả này cho thấy Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh, cơ cấu sản phẩm và chính sách bán hàng phù hợp với diễn biến thị trường. Đồng thời, Công ty tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu quy trình vận hành và khai thác hiệu quả nguồn lực hiện có, qua đó duy trì hiệu quả hoạt động và bảo đảm an toàn tài chính. Nhờ định hướng điều hành đúng đắn và sự phối hợp đồng bộ trong toàn hệ thống, PTM không những giữ vững sự ổn định mà còn củng cố nền tảng phát triển, sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi thị trường phục hồi.



3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

a. Danh sách Ban điều hành: Tính tại ngày 31/12/2025.

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc
2	Bà Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng



ÔNG TRẦN VĂN MỸ
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ học vấn:
Cử nhân Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế Quốc Dân

Quá trình công tác:

- 2023 - Nay: Tổng Giám Đốc Công ty CP SX Thương mại & Dịch vụ Ô tô PTM
- 2017 - 2023: Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
- 2012 - 2016: Công ty CP Kinh doanh Sao Việt - Nisan Hà Nội
- 1995 - 2012: Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Láng Hạ
- 2007 - 2009: Công ty CP Kinh doanh Tân miền Trung
- 2001 - 2007: Công ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng

- **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh; Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 1.500.000 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 4,688% VDL
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:**
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** không



BÀ LÊ THỊ HUYỀN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ học vấn:
Cử nhân kế toán - Học Viện Tài Chính

Quá trình công tác:

- 07/2024 - Nay: Công ty cổ Phần Sản Xuất Thương Mại và Dịch Vụ Ô Tô PTM
- 2016 - 07/2024: Công ty cổ phần dịch vụ Ô Tô Hàng Xanh - CN Kim Giang .

- **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Kế toán trưởng
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** : 50.000 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,156% VDL
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:**
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

b. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động	31/12/2024 (người)	31/12/2025 (người)
Phân theo trình độ học vấn	585	464
- Trình độ trên đại học	0	2
- Trình độ đại học	288	213
- Trình độ cao đẳng và trung cấp	150	136
- Đối tượng khác	147	113
Phân theo thời hạn hợp đồng	585	464
- Không xác định thời hạn	0	0
- Có thời hạn	585	464

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.500.000	10.000.000	10.800.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

• Về Chính sách đào tạo

Người lao động là tài sản quý giá nhất và là trung tâm vận hành mọi nguồn lực và hoạt động của tổ chức. Với PTM, việc đào tạo không chỉ là hình thức đầu tư cho Công ty mà còn nhằm mục tiêu phát triển bản thân cho người lao động. Do đó, Công ty luôn chú trọng triển khai các khóa học nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ kinh doanh và quản lý sự thay đổi cho toàn thể nhân viên để thích nghi với xu thế mới. Bên cạnh đó, Công ty còn triển khai chương trình đào tạo cán bộ nguồn, tập trung tìm kiếm, đào tạo nhân viên trẻ tiềm năng và cán bộ kế thừa để xây dựng đội ngũ quản lý chất lượng cho Công ty.

• Về Chính sách tuyển dụng:

PTM luôn xem con người là nhân tố cốt lõi của tổ chức. Vì thế, nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại mà còn là nhân tố để phát triển trong tương lai. PTM thực hiện công tác tuyển dụng có chiến lược và đầu tư hợp lý. Xây dựng quy trình chặt chẽ và nâng cao tiêu chuẩn tuyển dụng, nhằm chọn lựa các ứng viên ưu tú để cùng Công ty dẫn dắt sự thay đổi. Đối với mỗi vị trí, chức danh khác nhau Công ty sẽ có những tiêu chí tuyển dụng phù hợp, đi kèm với chế độ lương thưởng rõ ràng. Quy trình tuyển dụng linh hoạt, tuân thủ nguyên tắc minh bạch và khách quan, đảm bảo tính công bằng cho mọi ứng viên. Tính đến 31/12/2025, PTM đang đồng hành cùng 464 người lao động.

• Môi trường công việc và chế độ việc làm:

PTM xác định 3 yếu tố cần đảm bảo “an toàn lao động – dụng cụ lao động – môi trường lao động”. Thứ nhất, luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, đặt sức khỏe và sự an toàn của người lao động lên hàng đầu. Thứ hai, đảm bảo người lao động có dụng cụ làm việc, trang thiết bị cần thiết với chất lượng đảm bảo theo quy định. Thứ ba, điều kiện vệ sinh xung quanh khu vực làm việc phải an toàn đối với sức khỏe, đáp ứng các quy định môi trường làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

PTM đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của người lao động được quy định trong Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Cụ thể, đảm bảo đúng nguyên tắc trong thiết lập hợp đồng lao động, thực hiện thanh toán đầy đủ BHXH, BHYT cho người lao động 100%, đảm bảo đầy đủ và hoàn thiện chính sách đối với lao động nữ như thai sản, nghỉ khám thai.

• Về Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Căn cứ vào Nghị định 38/2022/NĐ-CP được ban hành ngày 01/07/2022, Công ty tuân thủ chi trả theo đúng quy định Nhà nước, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong công tác xây dựng chính sách lương. Bên cạnh đó, để gia tăng động lực thăng tiến cho người lao động, Công ty lên kế hoạch lộ trình tăng lương. Đi cùng đó là chính sách trả lương theo hiệu quả công việc thay vì khuyến khích tăng ca ngoài giờ, tạo động lực để gia tăng năng suất. Mặt khác, Công ty chú trọng công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động hằng năm. Hơn nữa, PTM tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động vui chơi như tổ chức thể dục thể thao nội bộ, hoạt động văn nghệ nội bộ nhằm gia tăng tinh thần đoàn kết trong toàn thể nhân viên, chăm sóc đời sống tinh thần của nhân viên.



a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2025, PTM tiếp tục đầu tư mở rộng đại lý MG Cụ thể:

Tháng 01/2025, Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM chính thức khai trương Đại lý Premium MG Đà Nẵng. Đại lý đạt tiêu chuẩn toàn cầu 3S Premium với quy mô 4.000 m2 trong đó dành 1.000 m2 để làm không gian trưng bày xe.

Tháng 06/2025, Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM chính thức khai trương Đại lý Premium MG An Giang. Đại lý đạt tiêu chuẩn toàn cầu 3S Premium lớn nhất khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt.
- Trụ sở: Số nhà 97 đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800447502, cấp ngày 24/03/2008.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt: 99,33%

Công ty liên kết: không có



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	575.850	668.904	16%
2	Doanh thu thuần	1.414.572	1.304.025	-8%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	132.509	-1.400	-101%
4	Lợi nhuận khác	27.870	46.693	68%
5	Lợi nhuận trước thuế	160.379	45.292	-72%
6	Lợi nhuận sau thuế	128.148	35.899	-72%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2025 đạt 668.904 triệu đồng, tăng 16% so với mức 575.850 triệu đồng tại thời điểm cuối năm 2024. Mức tăng này phản ánh việc Công ty tiếp tục duy trì quy mô hoạt động và củng cố nền tảng tài chính trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức.

Doanh thu thuần năm 2025 đạt 1.304.025 triệu đồng, giảm 8% so với năm 2024. Trong điều kiện sức mua thị trường chưa phục hồi hoàn toàn và cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng, kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố vĩ mô và xu hướng tiêu dùng thận trọng.

Kết quả, lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 45.292 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 35.899 triệu đồng, Công ty vẫn duy trì được kết quả kinh doanh dương, đảm bảo nghĩa vụ tài chính và duy trì ổn định hoạt động.

Nhìn chung, năm 2025 là năm nhiều khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với việc duy trì tăng trưởng quy mô tài sản và kiểm soát được kết quả lợi nhuận ở mức dương, Công ty đã tạo nền tảng cần thiết cho quá trình củng cố hiệu quả hoạt động và phục hồi trong các năm tiếp theo.



b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,97	2,15
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,80	0,65
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,00%	29,67%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	23,45%	42,19%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	9,05	3,82
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,27	2,10
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,06%	2,75%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	27,36%	7,66%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	20,59%	5,77%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,37%	-0,11%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tại thời điểm 31/12/2025, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 2,15 lần, giảm so với mức 3,97 lần của năm 2024. Hệ số thanh toán nhanh đạt 0,65 lần, giảm đáng kể so với mức 2,80 lần của năm trước.

Sự giảm các chỉ tiêu thanh khoản phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn trong năm 2025, trong bối cảnh Công ty điều chỉnh chiến lược vốn lưu động nhằm thích ứng với điều kiện thị trường. Mặc dù giảm so với năm trước, hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn duy trì trên mức 1 lần, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn đến hạn. Đối với hệ số thanh toán nhanh, do đặc thù ngành kinh doanh thương mại ô tô có tỷ trọng hàng tồn kho lớn trong tài sản ngắn hạn, việc hệ số dưới 1 lần vẫn được xem là phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty...

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tại ngày 31/12/2025, hệ số Nợ/Tổng tài sản đạt 29,67% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 42,19%, tăng so với năm 2024. Sự gia tăng này phản ánh việc Công ty chủ động sử dụng đòn bẩy tài chính nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động, đảm bảo duy trì hoạt động ổn định và sẵn sàng nắm bắt cơ hội thị trường trong bối cảnh ngành ô tô còn nhiều biến động.

Mặc dù tỷ trọng nợ tăng lên, các hệ số tài chính vẫn được kiểm soát trong ngưỡng an toàn, thể hiện cấu trúc vốn cân đối và khả năng quản trị rủi ro tài chính hiệu quả. Việc duy trì nền tảng vốn chủ sở hữu vững chắc tiếp tục là cơ sở quan trọng giúp Công ty đảm bảo tính linh hoạt và ổn định dài hạn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2025, vòng quay hàng tồn kho đạt 3,82 vòng. Dù giảm so với năm trước do sức mua thị trường suy yếu, chỉ tiêu này phản ánh sự điều chỉnh chủ động trong chính sách tồn kho nhằm thích ứng với diễn biến thực tế của thị trường. Công ty đã ưu tiên quản trị tồn kho theo hướng thận trọng, kiểm soát chặt dòng tiền và giảm thiểu rủi ro tích tụ hàng hóa.

Vòng quay tổng tài sản đạt 2,10 vòng, cho thấy tài sản vẫn được khai thác hiệu quả trong bối cảnh doanh thu toàn ngành chịu nhiều áp lực. Việc duy trì hiệu suất sử dụng tài sản ở mức ổn định thể hiện năng lực quản trị và khả năng thích ứng linh hoạt của Công ty trước các biến động kinh tế.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong điều kiện thị trường còn nhiều thách thức, Công ty vẫn duy trì được lợi nhuận sau thuế dương và đảm bảo các chỉ tiêu sinh lời ở mức hợp lý. Cụ thể:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) đạt 2,75%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 7,66%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 5,77%; và tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần ghi nhận ở mức -0,11%. Trong bối cảnh thị trường chịu nhiều áp lực cạnh tranh về giá và chi phí vận hành duy trì ở mức cao, các chỉ tiêu sinh lời có sự thu hẹp so với năm trước. Tuy nhiên, Công ty đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng kiểm soát rủi ro ở mảng bán xe, ưu tiên mục tiêu bảo toàn dòng tiền và duy trì hiệu quả tổng thể. Việc linh hoạt thích ứng với điều kiện thị trường, đồng thời tập trung củng cố các mảng hoạt động có biên lợi nhuận ổn định, đã giúp Công ty giữ vững nền tảng tài chính và duy trì lợi nhuận sau thuế dương, tạo tiền đề cho sự phục hồi và tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo.



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 32.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 32.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	32.000.000	320.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	22.139.370	221.393.700.000	69,19%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	9.860.630	98.606.300.000	30,81%
II	Cổ đông Nhà nước	-	-	0,00%
III	Cổ đông trong nước	31.999.000	319.990.000.000	100,00%
1	Cá nhân	15.481.040	154.810.400.000	48,38%
2	Tổ chức	16.517.960	165.179.600.000	51,62%
IV	Cổ đông nước ngoài	1.000	10.000.000	0,00%
1	Cá nhân	200	2.000.000	0,00%
2	Tổ chức	800	8.000.000	0,00%
Tổng cộng (II+III)		32.000.000	320.000.000.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 16/02/2024, Công ty hoàn thành chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư, giá trị đợt phát hành là 38 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên thành 80 tỷ đồng.
- Ngày 25/07/2024, Công ty hoàn thành việc tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1 tăng vốn điều lệ lên 160 tỷ đồng.
- Ngày 08/10/2024, Công ty hoàn thành việc tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1 tăng vốn điều lệ lên 320 tỷ đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

a. Tác động lên môi trường:

Việt Nam đang đối mặt với những thách thức ngày càng gia tăng từ biến đổi khí hậu, thể hiện qua tần suất và mức độ nghiêm trọng của các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế – xã hội. Tại Hội nghị COP26, Chính phủ Việt Nam đã cam kết đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng bền vững và thân thiện với môi trường. Trong bối cảnh đó, PTM xác định phát triển bền vững là một trong những định hướng xuyên suốt trong chiến lược hoạt động. Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại ô tô, các hoạt động của Công ty không phát sinh các nguồn thải công nghiệp quy mô lớn. Tuy nhiên, một số hoạt động như bảo dưỡng, sửa chữa, chạy thử xe và vận hành cơ sở hạ tầng hằng ngày vẫn có phát sinh khí thải và chất thải theo đặc thù ngành. Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện kiểm soát và quản lý chất thải theo đúng quy trình; đồng thời đầu tư, sử dụng máy móc, thiết bị và vật tư theo hướng tiết kiệm năng lượng, hạn chế phát thải và giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, PTM thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới về môi trường, nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, phân loại và xử lý chất thải đúng quy định. Trong quá trình hoạt động, Công ty không ghi nhận trường hợp vi phạm nào liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Với định hướng phát triển bền vững, PTM cam kết tiếp tục lồng ghép các yếu tố môi trường vào hoạt động quản trị và kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và giảm phát thải trong dài hạn.

b. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

PTM luôn dự trữ lượng nguyên vật liệu phù hợp để đáp ứng nhu cầu bảo dưỡng và sửa chữa xe. Đồng thời, áp dụng quy trình kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo nguyên vật liệu đầu vào đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật. Về mặt tối ưu hóa chi phí, PTM sử dụng phương pháp quản lý hàng tồn kho hiệu quả như FIFO để giảm thiểu chi phí lưu trữ và hao hụt.

c. Tiêu thụ năng lượng:

Là quốc gia đang trên con đường xây dựng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, cân bằng cung cầu năng lượng là mục tiêu của Việt Nam xác định và luôn hướng đến. Xác định tầm quan trọng của tiết kiệm năng lượng, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 280/QĐ-TTg - phê duyệt Chương trình quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030. Tiếp nối tinh thần của quốc gia, PTM đặt mục tiêu tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý giảm thiểu chi phí sản xuất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý lên hàng đầu, cụ thể một số hành động như:

- Tạo dựng văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp bằng cách kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước. Công ty tăng cường phổ biến đến từng người lao động ảnh hưởng tiêu cực của tiêu thụ điện lãng phí lên môi trường, nâng cao ý thức sử dụng hợp lý như tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, bật điều hòa ở nhiệt độ không thấp hơn 25°C, đóng cửa khi ra khỏi phòng điều hòa, sử dụng vòi nước tiết kiệm,...
- Trang bị những thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn compact tiết kiệm điện, đảm bảo công suất chiếu sáng và tuổi thọ cao.
- Theo dõi và có kế hoạch bảo trì máy móc thiết bị và hệ thống điều hòa, vệ sinh máy móc thiết bị đảm bảo không bị tiêu hao năng lượng vô ích tối ưu hóa hoạt động.
- Tham gia tích cực, hưởng ứng phong trào giờ Trái đất.
- **Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):**

Nhận thức nước là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá và có giới hạn, PTM luôn đề cao tinh thần tiết kiệm nước trong mọi hoạt động. Để hạn chế lãng phí nước và giảm thiểu chi phí hoạt động, Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống dẫn nước, việc kiểm tra định kỳ giúp phát hiện và khắc phục kịp thời các rò rỉ, tránh lãng phí nước. Bên cạnh đó, lắp đặt vòi rửa, vòi sen, bồn cầu có cơ chế ngắt tự động hoặc sử dụng lượng nước ít hơn sẽ giúp giảm thiểu lượng nước tiêu thụ đáng kể. Về mặt tuyên truyền, PTM thông qua các buổi tập huấn, khuyến khích mỗi cá nhân sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả.

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Từ khi thành lập đến hiện tại, Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại và Dịch vụ ô tô PTM tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định về môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14, đảm bảo không có bất cứ sai phạm về môi trường.

e. Chính sách liên quan đến người lao động:

Đối với PTM, nguồn lực quan trọng và quý giá nhất đóng góp vào sự phát triển bền vững và lâu dài của Công ty chính là đội ngũ lao động. Vì vậy, Công ty luôn dành sự tôn trọng, biết ơn đến toàn thể cán bộ công nhân viên vì những đóng góp to lớn của họ trong suốt hành trình phát triển của Công ty. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Ban lãnh đạo của PTM không ngừng nghiên cứu, cải tiến các chính sách phúc lợi của mình sao cho phù hợp, đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động theo đúng quy định, đồng thời có thêm các chính sách đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút, giữ chân nhân tài để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Với người lao động ở nhiều vị trí, Công ty luôn tôn trọng sự khác biệt và không phân biệt đối xử, có các chính sách lương thưởng hợp lý, lộ trình tăng thu nhập rõ ràng, thỏa đáng theo kết quả kinh doanh của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng định kỳ tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Hội mừng kỷ niệm sinh nhật Công ty,... đây chính là cơ hội để tạo ra sự gắn kết cũng như nâng cao tinh thần gắn bó giữa tập thể người lao động với Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm cho cán bộ nhân viên Công ty như bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, v.v....

Môi trường làm việc: Tại PTM, người lao động được làm việc trong môi trường an toàn và đảm bảo sức khỏe. Công ty luôn trang bị đầy đủ các đồ dùng bảo hộ cho người lao động, thường xuyên kiểm tra độ bụi trong không khí, hệ thống thang máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy được bảo trì định kỳ nhằm phát hiện, sửa chữa kịp thời.

Hoạt động đào tạo: Các hoạt động đào tạo, tập huấn được Công ty tổ chức định kỳ nhằm nâng cao, phát triển kỹ năng chuyên môn theo từng phòng ban. Đồng thời Công ty cũng tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá để có chương trình đào tạo phù hợp, nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng kỹ năng của toàn thể nguồn lực của Công ty.

Đào tạo nguồn nhân lực luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Trong năm qua, Công ty đã tổ chức nhiều buổi đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng bán hàng.

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Từ những ngày đầu thành lập, Công ty đã bắt đầu hiện thực hóa giá trị tạo ra lợi nhuận để sẻ chia bằng một số hoạt động hướng đến cộng đồng, đồng hành cùng địa phương tại các các địa bàn Công ty hoạt động, hỗ trợ cho những người dân có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp giá trị cho các chương trình phúc lợi xã hội của chính quyền địa phương. Đồng thời phối hợp với với Công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

g. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Trong những năm gần đây, việc phát triển thị trường vốn xanh đã được triển khai mạnh mẽ bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Đây là một cách thức để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động ESG (Tác động về Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp) và thúc đẩy việc kêu gọi các nhà đầu tư quan tâm đến việc đầu tư vào các dự án phát triển xanh. Bằng cách phát hành báo cáo ESG, các doanh nghiệp có thể kỹ thuật hóa các quy định liên quan đến yếu tố môi trường, xã hội và con người, xác định các cơ hội và thách thức để đóng góp vào mục tiêu phát triển xanh. Tuy nhiên, để đảm bảo việc thực hiện ESG được hiệu quả, các doanh nghiệp cần phải thực hiện nhiều biện pháp khác nhau, bao gồm tăng cường giám sát, đào tạo nhân viên và xác định các chỉ tiêu đo lường hiệu quả ESG. PTM luôn quan tâm và theo dõi thường xuyên các hoạt động, chính sách mới của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng như Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội. Từ đó, Công ty điều chỉnh và cập nhật các chính sách nội bộ nhằm phù hợp với các quy định đề ra, định hướng xây dựng kế hoạch tài chính hướng đến phát triển bền vững toàn diện



03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc /Ban Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm
về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025 đánh dấu một kỷ nguyên đầy khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung. Trên phạm vi toàn cầu, sau khi đã trải qua rất nhiều yếu tố bất lợi của năm 2022 như khủng hoảng năng lượng, lạm phát leo thang,... một số nền kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi, song không vững chắc và không đồng đều giữa các quốc gia, trong khi tình hình địa chính trị bất ổn làm chậm tăng trưởng một số khu vực. Về ngành ô tô, ngành ô tô như hàn thử biểu phản ánh sức khỏe của nền kinh tế. Lạm phát vẫn còn cao, người dân tiếp tục thắt chặt tiêu dùng, đặc biệt là các sản phẩm phân khúc xa xỉ. Theo đó, bất chấp các biện pháp hỗ trợ kích cầu từ cả chính phủ và các đại lý phân phối, doanh số bán hàng vẫn thấp do người tiêu dùng có xu hướng trì hoãn mua ô tô trong thời điểm kinh tế khó khăn. Bên cạnh sự cạnh tranh truyền thống giữa xe nhập khẩu và xe lắp ráp, việc xe điện đã trở nên phổ biến hơn tại Việt Nam càng gia tăng thêm lựa chọn cho người tiêu dùng, từ chất lượng sản phẩm đến thương hiệu.

Trước những khó khăn trên, Ban điều hành PTM đã luôn thận trọng, bám sát tình hình thực tế, để ra các kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm xây dựng phương án hoạt động hợp lý, đảm bảo mục tiêu đã đề ra.

Trải qua một năm với nhiều thách thức, PTM đã ghi nhận các kết quả như sau: Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 45,3 tỷ đồng, đạt 25 % so với kế hoạch đã đề ra. Với việc phân phối 2.290 xe, giảm đáng kể so với năm 2024 cho thấy thị trường ngành ô tô năm 2025 rất khó khăn. Dưới đây là một số điểm thuận lợi và khó khăn của Công ty trong suốt quá trình hoạt động của năm 2025:

Thuận lợi:

- Là đơn vị phân phối ủy quyền chiếm phần lớn thị phần của MG tại Việt Nam.
- Với 12 Đại lý đều đạt các tiêu chuẩn của nhà máy MG trên toàn hệ thống, phân bố tại 03 miền Bắc – Trung – Nam, khẳng định sự phát triển đồng đều, ổn định của hệ thống PTM.
- Chính sách giảm 50% phí trước bạ với xe lắp ráp trong nước đã kích thích nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng.

Khó khăn:

- Tình hình kinh tế suy thoái, nguy cơ lạm phát gia tăng cùng với việc người dân thắt chặt chi tiêu... khiến lượng tiêu thụ ô tô giảm sâu.
- Lãi suất vay ngân hàng vẫn ở mức cao và khó giải ngân khiến người tiêu dùng gặp khó khăn khi mua ô tô trả góp.
- Các hãng xe và đại lý ô tô tại Việt Nam liên tục ra mắt các sản phẩm mới, chương trình ưu đãi, giảm giá bán trực tiếp... làm cho sự cạnh tranh giữa các hãng ô tô càng khốc liệt hơn.



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/BAN GIÁM ĐỐC

1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/Giảm	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Tài sản ngắn hạn	434.680	425.830	-2.04%	75,48%	63,66%
Tài sản dài hạn	141.171	243.074	72,18%	24,52%	36,34%
Tổng tài sản	575.851	668.904	16,16%	100,00%	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của PTM đạt 668.904 triệu đồng, tăng 16,16% so với mức 575.851 triệu đồng tại ngày 31/12/2024, cho thấy quy mô hoạt động của Công ty tiếp tục được mở rộng.

Cơ cấu tài sản ghi nhận sự chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn, phản ánh định hướng đầu tư bền vững. Tài sản ngắn hạn năm 2025 đạt 425.830 triệu đồng, giảm nhẹ 2,04% so với năm 2024; tỷ trọng trong tổng tài sản giảm từ 75,48% xuống còn 63,66%. Sự điều chỉnh này thể hiện việc Công ty chủ động cơ cấu lại tài sản lưu động, kiểm soát hợp lý hàng tồn kho và tối ưu hóa vốn lưu động nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Trong khi đó, tài sản dài hạn đạt 243.074 triệu đồng, tăng mạnh 72,18% so với năm 2024, làm tỷ trọng tăng từ 24,52% lên 36,34% tổng tài sản. Mức tăng này cho thấy Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, nâng cấp hạ tầng và tăng cường năng lực vận hành, tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản năm 2025 phản ánh chiến lược tái cân đối theo hướng gia tăng đầu tư chiều sâu, củng cố nền tảng hoạt động bền vững, đồng thời vẫn duy trì đà tăng trưởng về quy mô tổng tài sản, sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi của thị trường.

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/Giảm	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Nợ ngắn hạn	109.391	198.480	81,44%	100,00%	100,00%
Nợ dài hạn	0	0	0,00%	0,00%	0,00%
Tổng nợ phải trả	109.391	198.480	81,44%	100,00%	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của PTM đạt 198.480 triệu đồng, tăng 81,44% so với mức 109.391 triệu đồng tại ngày 31/12/2024. Sự gia tăng này chủ yếu phản ánh nhu cầu bổ sung vốn lưu động nhằm đảm bảo nguồn hàng, duy trì hoạt động và đáp ứng kịp thời các cơ hội kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Nợ ngắn hạn năm 2025 tăng 89.089 triệu đồng so với năm trước, tập trung chủ yếu ở các khoản phải trả thương mại và các nghĩa vụ tài chính phục vụ nhập xe, vận hành hệ thống và duy trì hoạt động thường xuyên. Điều này cho thấy Công ty đã chủ động tận dụng nguồn vốn thương mại để tối ưu hóa dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Cơ cấu nợ của Công ty tiếp tục duy trì ở mức đơn giản, không phát sinh dư nợ dài hạn, qua đó giúp hạn chế áp lực chi phí lãi vay và giảm thiểu rủi ro liên quan đến kỳ hạn thanh toán dài hạn. Việc toàn bộ nợ phải trả là nợ ngắn hạn cũng tạo điều kiện cho Công ty linh hoạt điều chỉnh quy mô nguồn vốn theo diễn biến thị trường.

Mặc dù quy mô nợ phải trả tăng so với năm 2024, các hệ số đòn bẩy tài chính vẫn được kiểm soát trong ngưỡng an toàn, phù hợp với quy mô tài sản và đặc thù hoạt động kinh doanh thương mại ô tô. Trong thời gian tới, PTM sẽ tiếp tục quản trị chặt chẽ dòng tiền, tối ưu cơ cấu nguồn vốn và đảm bảo cân đối hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng và an toàn tài chính, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

2. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2025, Công ty thực hiện các giải pháp kinh doanh linh hoạt, giữ ổn định toàn hệ thống, đẩy mạnh công tác chuẩn bị nhân sự kế nhiệm, sắp xếp cơ cấu Công ty theo định hướng sẽ trở thành Tập đoàn trong tương lai. Hiện tại, Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận năm 2026:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
Lợi nhuận trước thuế Công ty Hợp nhất	Tỷ đồng	46

Phương hướng nhiệm vụ trong năm 2026:

- Trong bối cảnh ngành ô tô Việt Nam tiếp tục tăng trưởng nhưng cạnh tranh gay gắt, Công ty định hướng năm 2026 theo nguyên tắc linh hoạt – hiệu quả – bền vững, với các trọng tâm sau:
- Điều hành linh hoạt, bám sát thị trường: Chủ động xây dựng và cập nhật các kịch bản kinh doanh theo từng biến động của thị trường; linh hoạt điều chỉnh chính sách giá, chương trình bán hàng và chính sách cạnh tranh nhằm duy trì sự ổn định hoạt động, bảo vệ thị phần hiện có và từng bước mở rộng thị trường.
- Nâng cao hiệu quả tài chính: Tăng cường kiểm soát chi phí ở tất cả các khâu hoạt động; quản trị chặt chẽ dòng tiền, hàng tồn kho và công nợ phải thu; cân đối hợp lý giữa vốn vay và vốn chủ sở hữu nhằm bảo đảm an toàn tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và duy trì khả năng thanh khoản ổn định.
- Tăng cường quản trị rủi ro: Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý; chủ động nhận diện, đánh giá và xây dựng phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, bảo đảm Công ty vận hành an toàn và bền vững.
- Phát triển nguồn nhân lực và thương hiệu: Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ nhân sự thông qua đào tạo và đánh giá định kỳ; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp, uy tín và hướng đến trải nghiệm khách hàng tốt hơn.
- Quản trị bền vững và tuân thủ: Lồng ghép các yếu tố môi trường – xã hội – quản trị (ESG) trong hoạt động điều hành; bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, đặc biệt là nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng; tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả kế hoạch năm 2026 và hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN (NẾU CÓ) - KHÔNG CÓ



5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Bảo vệ môi trường không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng mà còn là một cam kết không ngừng của Công ty trong quá trình phát triển. Cụ thể, PTM triển khai thực hiện như: Quản lý và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu; Xây dựng văn hóa nội bộ tiết kiệm điện là tiết kiệm ngân sách quốc gia, hưởng ứng tích cực ngày Trái Đất, phổ biến và nâng cao ý thức của từng cán bộ công nhân viên; Trang bị những thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện mà vẫn đảm bảo công suất chiếu sáng cùng tuổi thọ cao; Chú trọng công tác bảo trì thiết bị vừa đảm bảo sử dụng hiệu quả tài sản vừa tận dụng năng suất với lượng tiêu thụ điện tương đương; Sử dụng nước tiết kiệm với phương châm “Tất khi không sử dụng”....

Suốt những năm qua, PTM đều luôn nỗ lực giảm thiểu các tác động của Công ty đến môi trường. Nhờ vào những hành động nhỏ ảnh hưởng lớn, cũng như các kế hoạch xanh được xây dựng và triển khai, PTM tự hào đóng góp nhỏ vào công tác giữ gìn một Trái Đất màu xanh, một môi trường xanh sạch đẹp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Tổng giám đốc luôn đề cao vị trí của người lao động trong thành công của Công ty cho đến ngày hôm nay. Với PTM, người lao động là trọng tâm của vận hành doanh nghiệp. Do đó, Công ty đã, đang và sẽ luôn chú trọng đến các chính sách người lao động. Suốt những năm vừa qua, PTM đã giải quyết tốt vấn đề lao động của hàng trăm nhân viên với chế độ làm việc phù hợp và chính sách lương thưởng thỏa đáng. Công ty luôn đảm bảo chuyên nghiệp, công khai minh bạch trong công tác tuyển dụng, đảm bảo các nghĩa vụ được quy định trong Luật lao động cho người lao động. Mặt khác, PTM luôn khuyến khích người lao động phát triển chuyên môn như chương trình đào tạo các chức danh vận hành và sửa chữa, nhằm cung cấp cho nhân viên các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, PTM chú trọng đến việc thiết lập chính sách lương thưởng và phụ cấp hấp dẫn, linh hoạt và phù hợp cho từng bộ phận, nhằm khuyến khích và động viên nhân viên làm việc hiệu quả. Song song đó, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và khuyến khích sự phát triển cá nhân là không thể thiếu. Công ty cũng cam kết đảm bảo đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm, bao gồm bảo hộ lao động và các cuộc khám sức khỏe định kỳ, nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn cho tất cả nhân viên. Ban Tổng giám đốc luôn tự hào vì đã xây dựng và phát triển một tập thể vững mạnh, một đoàn đội gắn kết.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Sự hỗ trợ từ phía địa phương và cộng đồng là một yếu tố quan trọng giúp PTM xây dựng mối quan hệ gắn bó và bền vững trong hoạt động sản xuất và phát triển kinh doanh tại khu vực đó trong dài hạn. Chính vì lẽ đó, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc thực hiện các chính sách hỗ trợ và các hoạt động tương tác cộng đồng tại địa phương.

Công ty luôn dành sự quan tâm và thăm hỏi đến các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng, cùng với việc thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như quyên góp, tình nguyện và xây dựng cơ sở hạ tầng vùng lân cận. Những hoạt động này không chỉ giúp cải thiện đời sống của cộng đồng mà còn tạo ra một môi trường hòa nhập và phát triển bền vững cho tất cả các bên liên quan.

Công ty tin rằng việc hỗ trợ cộng đồng địa phương không chỉ mang lại lợi ích ngay lập tức mà còn tạo ra tiền đề cho sự phát triển kinh tế và xã hội lâu dài và bền vững trong tương lai. Điều này không chỉ là cam kết của Công ty với cộng đồng mà còn là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển toàn diện của Công ty.



04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2025 được ghi nhận là một năm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp và phân phối ô tô tại Việt Nam. Những tác động kéo dài sau đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế khi áp lực lạm phát duy trì ở mức cao, sức mua của thị trường phục hồi chậm và tâm lý tiêu dùng còn thận trọng, đặc biệt đối với các sản phẩm thuộc phân khúc cao cấp. Bên cạnh đó, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động khó lường; mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao trong bối cảnh lạm phát toàn cầu chưa đạt mục tiêu kiểm soát. Các yếu tố này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sức tiêu thụ chung của thị trường ô tô, trong đó phân khúc xe cao cấp chịu tác động rõ nét.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị CTCP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM đánh giá năm 2025 là một năm thử thách nhưng cũng thể hiện rõ năng lực điều hành linh hoạt và khả năng thích ứng của Công ty. PTM đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tập trung tối ưu hóa quản trị hàng tồn kho, kiểm soát chi phí và đẩy mạnh phát triển mảng dịch vụ – giải pháp mang tính chiến lược giúp duy trì biên lợi nhuận ổn định trong khi nhiều doanh nghiệp cùng ngành gặp khó khăn về kết quả kinh doanh.

Song song với đó, Công ty đã kịp thời nắm bắt xu hướng thị trường thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và mở rộng hệ thống phân phối, đặc biệt là định hướng phát triển mạng lưới đại lý phân phối ô tô thương hiệu MG. Việc điều chỉnh cơ cấu kinh doanh không chỉ giúp PTM duy trì hiệu quả hoạt động trong ngắn hạn mà còn tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo. Trước những biến động của thị trường, Hội đồng Quản trị xác định thách thức cũng chính là cơ hội để Công ty rà soát, củng cố nội lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện hệ thống quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh. Đây là tiền đề quan trọng để PTM thực hiện các kế hoạch phát triển dài hạn và tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường ô tô Việt Nam

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Là một trong số những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, Việt Nam nói chung và PTM nói riêng nhận thức được vai trò của mỗi cá thể trong cộng đồng. Từ đó, PTM đặt hoạt động môi trường song song với hoạt động kinh doanh. HĐQT luôn đốc thúc, ủng hộ các sáng kiến “xanh” của Ban Tổng giám đốc áp dụng vào hoạt động kinh doanh. Trong năm qua, các hoạt động môi trường, xã hội và cộng đồng đã được Ban Tổng giám đốc lên kế hoạch và xây dựng chiến lược rõ ràng. Đầu tiên, HĐQT quan tâm đến việc quản lý và sử dụng tài nguyên một cách bền vững, chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực của Công ty trong việc tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng thiết bị điện và nước một cách tiết kiệm. Không chỉ trong công tác vận hành kinh doanh, PTM còn chú trọng trong công tác xây dựng con người, tuyên truyền nâng cao tinh thần bảo vệ môi trường với văn hóa nội bộ xanh sạch đẹp. Đối với người lao động, HĐQT luôn trân trọng từng người lao động đã ở bên Công ty những lúc khó khăn nhất. Với PTM, người lao động là nền tảng vận hành của một tổ chức, cần gìn giữ và phát huy giá trị. Vì thế, HĐQT luôn chủ trương cho Ban điều hành chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần cho người lao động. Đồng thời, PTM nhận thức được sự tăng trưởng trong lợi nhuận nên đi cùng với giá trị đóng góp cho xã hội. Do đó, PTM luôn hết mình trong các hoạt động phục vụ xã hội như học bổng khuyến học, thăm hỏi những gia đình khó khăn, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện,...Với những đóng góp trên, HĐQT tin rằng Công ty sẽ luôn là một trong những thành viên tích cực trong công tác vì môi trường, vì xã hội.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành. Tại các cuộc họp, HĐQT đều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình sản xuất kinh doanh của quý và lũy kế, thảo luận và quyết định thông qua các Nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện. Theo đó, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành sẽ gửi báo cáo hoạt động theo định kỳ và thực hiện giải trình đối với các nội dung mà HĐQT yêu cầu. Qua quá trình giám sát các hoạt động của Công ty năm 2025, HĐQT có những nhận định như sau:

- HĐQT tin tưởng và đánh giá cao vào khả năng lãnh đạo và phẩm chất đạo đức Ban Tổng Giám đốc.
- Thích ứng với thị trường luôn biến động, linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra.
- Đảm bảo công khai, minh bạch công bố thông tin kịp thời chính xác.
- Thực hiện tốt các tiêu chuẩn quy định của MG Việt Nam đối với Đại lý.
- Năm 2025, tất cả hoạt động của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo Giấy đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam
- Ban TGD cùng các cán bộ quản lý đã rất cố gắng để tạo ra giá trị cao nhất cho công ty và cổ đông.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận năm 2026:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
Lợi nhuận trước thuế Công ty Hợp nhất	Tỷ đồng	46

Phương hướng hoạt động năm 2026:

- Với tình hình kinh tế thị trường luôn thay đổi không ngừng, Công ty chủ động đưa ra các kế hoạch linh hoạt về cạnh tranh, giá cả, chính sách chiết khấu nhằm giữ vững thị phần. Song song đó, luôn theo dõi sát sao nhằm giữ vững sự ổn định về hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính của Công ty.
- Kiểm soát đòn bẩy tài chính, tăng cường quản trị rủi ro, lên kế hoạch cho các kịch bản có thể xảy ra, từ đó chuẩn bị kế hoạch phù hợp để ứng phó, đặc biệt trong công tác quản lý chi phí.
- Nỗ lực xây dựng cán bộ quản lý các cấp vừa hồng vừa chuyên, vừa giỏi năng lực chuyên môn, vừa có phẩm chất đạo đức tốt. Song song, kiện toàn và củng cố bộ máy quản lý, tăng cường quy trình kiểm soát chất lượng dịch vụ, kết hợp với công nghệ hỗ trợ nhằm mở rộng phát triển hệ thống.
- Tiếp tục triển khai mở rộng kinh doanh xe, nghiên cứu đa dạng danh mục sản phẩm đồng thời định hướng xây dựng chiến lược lâu dài, xây dựng thương hiệu uy tín, sự tin tưởng đối với khách hàng. Công ty đang nỗ lực nhiều hơn trong việc phân phối ô tô mang thương hiệu MG
- Xác định quản trị công ty hướng đến phát triển bền vững và toàn diện, trong đó bước đầu tiên là đảm bảo thực hiện việc công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2026 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.



05 Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
Hội đồng quản trị,

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

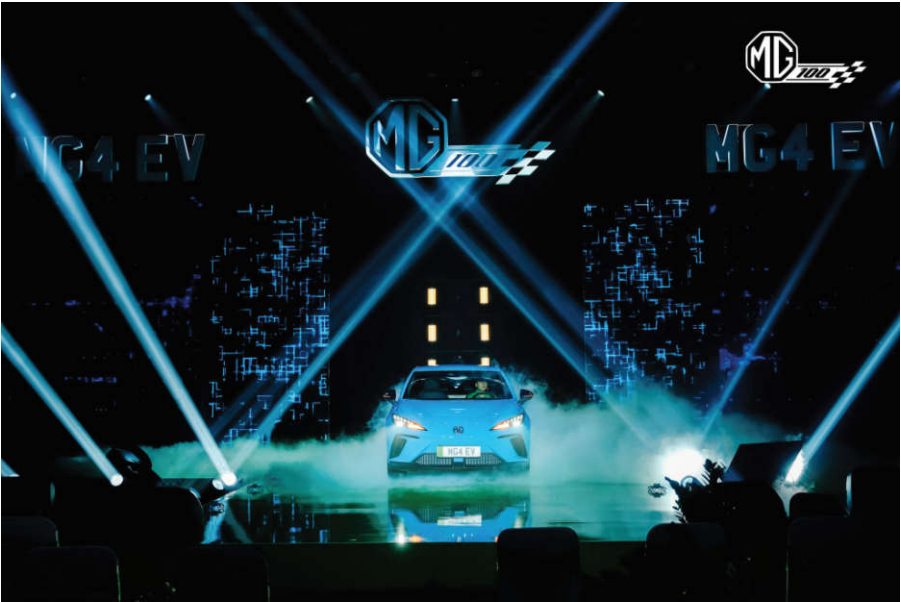
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a. Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	3.621.410	11,32%
2	Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
3	Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.500.000	4,69%
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên HĐQT không điều hành	500.000	1,56%
5	Bà Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng chức danh TVHĐQT tại các công ty khác	Chức danh quản lý do từng TVHĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
1	Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	1	- TV HĐQT, TV Ủy ban kiểm toán, Kiểm người phụ trách quản trị công ty – Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh
2	Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	2	- Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật - Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây
3	Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2	- TV HĐQT - Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên HĐQT không điều hành	3	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh - TV HĐQT - Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây - TV HĐQT - Công ty Cổ phần Ô tô An Thái
5	Bà Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT độc lập	-	-



b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025:

HĐQT xây dựng kế hoạch cụ thể, thuận lợi cho việc phối hợp triển khai bên cạnh việc phân công nhiệm vụ cho các TVHĐQT chi tiết, rõ ràng dựa trên năng lực chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm của từng TVHĐQT đã đóng góp hiệu quả cho hoạt động của HĐQT.

Năm 2025, trên cơ sở các Quy định về hoạt động của HĐQT, các TVHĐQT đã phát huy vai trò và trách nhiệm của mình, đã xem xét và biểu quyết các vấn đề về toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, kịp thời xử lý các vấn đề cấp bách, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty để TGD triển khai thực hiện, thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự, v.v... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, vượt qua khó khăn thách thức. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, giám sát thực hiện chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi nghiêm túc. Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả kèm theo các ý kiến đánh giá đều được ghi nhận và triển khai tổ chức thực hiện. Về cá nhân, các thành viên HĐQT đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm bổn phận của mình.

Về cuộc họp, HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc.

- Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	23/23	100%	
2	Ông Đỗ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	23/23	100%	
3	Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	23/23	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên HĐQT không điều hành	19/19	100%	
5	Bà Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT độc lập	7/7	100%	

- Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0101/NQ-HĐQT	02/01/2025	Thông qua việc chấp thuận các Hợp đồng mua bán, Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp đồng dịch vụ và các Hợp đồng khác của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương Mại và Dịch vụ ô tô PTM với các đối tượng liên quan trong năm 2025
2	0201/NQ-HĐQT	02/01/2025	Thông qua điều chỉnh mức lương của Ông Trần Văn Mỹ - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương Mại và Dịch vụ ô tô PTM
3	02/NQ-HĐQT	04/02/2025	Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
4	03/NQ-HĐQT	05/03/2025	Thông qua việc tiếp nhận đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Hoàng Đức Hùng
5	04/NQ-HĐQT	28/03/2025	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương Mại và Dịch vụ ô tô PTM
6	05/NQ-HĐQT	29/03/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền
7	05A/NQ-HĐQT-PTM	24/04/2025	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
8	06/2025/NQ-HĐQT/PTM	05/05/2025	Triển khai thực hiện đăng ký lưu ký cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương Mại và Dịch vụ ô tô PTM tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)
9	07/NQ-HĐQT-PTM	26/05/2025	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
10	08/2025/NQ-HĐQT-PTM	12/06/2025	Chấp thuận việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Mỹ Thới, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
11	09/2025/NQ-HĐQT-PTM	25/06/2025	Thông qua việc tái cấp hạn mức vay vốn của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương Mại và Dịch vụ ô tô PTM tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
12	10/2025/NQ-HĐQT-PTM	01/07/2025	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương Mại và Dịch vụ ô tô PTM
13	11/2025/NQ-HĐQT-PTM	02/07/2025	Thông qua việc cập nhật nội dung ngành nghề Kinh doanh trong Điều lệ Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm vừa qua công khai, minh bạch.
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá HĐQT năm 2025 đã có những nỗ lực hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quy định hiện hành.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. BAN KIỂM SOÁT THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phạm Thị Bán	Trưởng ban	200.000	0,63%
2	Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	0	0%
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên	0	0%

Rà soát Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm: Không thay đổi

a. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ; kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các nghị quyết của HĐQT năm 2025. Triển khai thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của Pháp luật, Điều lệ , quy chế, quy định của Công ty.
- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của BGD. Trực tiếp và phối hợp với các bộ phận để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, báo cáo KQKD, Báo cáo tài chính. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, ngăn ngừa rủi ro.
- Đề xuất các biện pháp khắc phục những sai sót, rủi ro làm ảnh hưởng đến lợi ích Công ty.
- Định kỳ thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tới HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp nhằm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, cụ thể:

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Phạm Thị Bán	4/4	100%	100%	
2	Bà Trần Thị Hạnh	4/4	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	4/4	100%	100%	

Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong năm 2025:

- HĐQT đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp HĐQT được thực hiện đầy đủ . Trong năm 2025, HĐQT bám sát định hướng Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2025 để đề ra và triển khai các Nghị quyết thực hiện. Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT.
- Ban điều hành đã tổ chức và thực hiện công tác điều hành Công ty tuân thủ theo Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT, Điều lệ, quy định và quy chế của Công ty.
- HĐQT và BĐH đều đảm bảo quyền lợi của cổ đông khi Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định pháp lý, hoàn thành trả cổ tức theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2025.

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, TGD và các cổ đông Ban kiểm soát với HĐQT, TGD và các cổ đông có sự phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty.
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Kết quả đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty
Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty trong năm 2025 đã ngày càng được hoàn thiện, chuẩn hóa để kịp thời phát hiện rủi ro tiềm ẩn, rủi ro phát sinh nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương, thưởng, thù lao (đồng)
Hội đồng quản trị			
1	Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	600.000.000
2	Đỗ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	210.000.000
3	Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT	210.000.000
4	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên HĐQT	180.000.000
5	Vũ Thị Mai	Thành viên HĐQT	72.307.692
Ban điều hành			
6	Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	1.080.000.000
7	Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	720.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.)

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	0	0%	3.621.410	11,32%	Cơ cấu danh mục đầu tư
2	Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	0	0%	1.500.000	4,69%	Cơ cấu danh mục đầu tư
3	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên HĐQT	0	0%	500.000	1,56%	- Cơ cấu danh mục đầu tư
4	Đỗ Ngọc Thùy Trang	Con ruột ông Đỗ Tiến Dũng và bà Vũ Thị Hạnh	0	0%	200.000	0,63%	- Cơ cấu danh mục đầu tư
5	Đỗ Quang Minh	Con ruột Bà Vũ Thị Mai	0	0%	7.500	0,02%	- Cơ cấu danh mục đầu tư

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Cùng công ty mẹ	1800420206 cấp ngày 14/06/2001	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu bán xe và khác: 22.820.228.577 VND + Chi phí mua xe, và khác: 40.681.803.009 VND	
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Hàng Xanh	Cùng công ty mẹ	0302000126 cấp ngày 17/05/2000	Số 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP HCM	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu sửa chữa, cho thuê xe và khác: 1.339.675.310 VND + Chi phí mua xe, và khác: 10.304.436.916 VND	
3	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	Cùng công ty mẹ	0302365938, thay đổi lần thứ 13 ngày 31/05/2017	54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu sửa chữa và khác: 228.857.957 VND + Chi phí dịch vụ khác: 639.206.041 VND	
4	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	Cùng công ty con	0800447502 thay đổi lần thứ 6 ngày 12/09/2025	Số nhà 97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh	2025	23/2025/NQ-HĐQT-PTM Ngay 24/12/2025	+ Doanh thu xe và khác: 5.194.545.454 VND	

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch chú	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Cùng công ty mẹ	1800420206 cấp ngày 14/06/2001	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu bán xe và khác: 22.820.228.577 VND + Chi phí mua xe, và khác: 40.681.803.009VND	
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ	0302000126 cấp ngày 17/05/2000	Số 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP HCM	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu sửa chữa, cho thuê xe và khác: 1.339.675.310 VND + Chi phí mua xe, và khác: 10.304.436.916VND	
3	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	Cùng công ty mẹ	0302365938, thay đổi lần thứ 13 ngày 31/05/2017	54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu sửa chữa và khác: 228.857.957 VND + Chi phí dịch vụ khác: 639.206.041VND	
4	Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Cùng công ty mẹ	0304538375 Cấp ngày 24/08/2006	464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu sửa chữa và khác: 33.600.010 VND	

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch chú	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Cùng công ty mẹ	1800420206 cấp ngày 14/06/2001	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu bán xe và khác: 22.820.228.577 VND + Chi phí mua xe, và khác: 40.681.803.009VND	
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ	0302000126 cấp ngày 17/05/2000	Số 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP HCM	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu sửa chữa, cho thuê xe và khác: 1.339.675.310 VND + Chi phí mua xe, và khác: 10.304.436.916VND	
3	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	Cùng công ty mẹ	0302365938, thay đổi lần thứ 13 ngày 31/05/2017	54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh	2025	NQ HĐQT số 0101/NQ-HĐQT Ngày 02/01/2025	+ Doanh thu sửa chữa và khác: 228.857.957 VND + Chi phí dịch vụ khác: 639.206.041VND	

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

QTCT tại PTM được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ nguyên tắc QTCT dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam, theo G20/OECD và Thẻ điểm QTCT của ASEAN. Cùng với đó, PTM cũng tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến QTCT, bao gồm Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cũng thực hiện nhiệm vụ công bố thông tin đúng quy định cho cổ đông và nhà đầu tư thông qua trang web của PTM. Năm 2025, Công ty thực thi công tác quản trị theo đúng quy định, đảm bảo vận hành kinh doanh hiệu quả, đảm bảo lợi ích của Công ty, cổ đông và các bên liên quan. Song song với đó, tập trung đổi mới, cải tiến Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin,...



06

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

Số: 060202/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2026 (từ trang 09 đến trang 34), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Lê Thị Diệu Hiền – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 6307-2023-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		425.829.919.636	434.679.566.513
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	23.237.358.760	157.425.399.323
111	1. Tiền		23.237.358.760	47.425.399.323
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	110.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.500.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	2.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		83.016.287.478	134.030.118.149
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	63.192.533.007	12.330.527.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	5.802.659.692	74.838.664.364
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	14.354.747.259	47.194.578.773
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(333.652.480)	(333.652.480)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	297.794.384.790	128.140.234.135
141	1. Hàng tồn kho		299.200.044.697	129.545.894.042
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.405.659.907)	(1.405.659.907)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.281.888.608	15.083.814.906
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	4.106.149.540	7.377.506.108
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.173.965.307	7.706.308.798
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	1.773.761	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		243.073.796.933	141.170.692.669
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.531.000.000	2.302.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.531.000.000	2.302.000.000
220	II. Tài sản cố định		137.088.960.239	122.195.754.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	110.628.757.439	122.181.014.947
222	- Nguyên giá		159.555.980.308	158.295.360.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.927.222.869)	(36.114.346.014)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	26.460.202.800	14.740.000
228	- Nguyên giá		26.548.362.800	88.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.160.000)	(73.420.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		30.410.766.400	609.329.476
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	30.410.766.400	609.329.476
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		73.043.070.294	16.063.608.246
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	14.676.741.087	16.063.608.246
269	5. Lợi thế thương mại	V.12	58.366.329.207	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		668.903.716.569	575.850.259.182

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		198.479.846.257	109.390.908.343
310	I. Nợ ngắn hạn		198.479.846.257	109.390.908.343
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	31.066.393.583	21.656.298.959
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	6.771.918.591	17.398.116.809
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	10.687.042.059	33.196.578.117
314	3. Phải trả người lao động		5.846.607.924	8.222.966.072
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.006.810.116	558.901.224
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	921.364.638	2.357.749.402
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	142.179.709.346	26.000.297.760
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.18	470.423.870.312	466.459.350.839
410	I. Vốn chủ sở hữu		470.423.870.312	466.459.350.839
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	320.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		122.922.480	122.922.480
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		150.211.355.341	146.316.428.359
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		114.319.709.537	18.168.587.403
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		35.891.645.804	128.147.840.956
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		69.592.491	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		668.903.716.569	575.850.259.182

Thành phố Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ DUYỀN

LÊ THỊ HUYỀN

TRẦN VĂN MỸ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.304.025.137.336	1.414.571.804.514
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.304.025.137.336	1.414.571.804.514
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.137.289.589.977	1.160.105.606.747
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.735.547.359	254.466.197.767
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		568.857.586	232.183.926
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	8.708.670.709	4.946.880.616
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.708.670.709	4.946.880.616
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.4	94.184.038.637	80.561.526.115
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	65.811.916.818	36.681.062.427
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.400.221.219)	132.508.912.535
31	12. Thu nhập khác	VI.6	47.130.017.320	27.932.908.427
32	13. Chi phí khác	VI.7	437.493.690	62.854.953
40	14. Lợi nhuận khác		46.692.523.630	27.870.053.474
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.292.302.411	160.378.966.009
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	9.393.305.507	32.231.125.053
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.898.996.904	128.147.840.956
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		35.894.926.982	128.147.840.956
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.069.922	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.122	9.274
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.122	9.274

Thành phố Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ DUYỀN

LÊ THỊ HUYỀN

TRẦN VĂN MỸ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		45.292.302.411	160.378.966.009
	2. Điều chỉnh cho các khoản		27.485.139.580	16.493.571.140
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9; V.10	23.738.221.411	12.836.853.385
03	- Các khoản dự phòng		-	(51.822.135)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.961.752.540)	(1.238.340.726)
06	- Chi phí lãi vay	VI.3	8.708.670.709	4.946.880.616
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		72.777.441.991	176.872.537.149
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		42.904.592.453	(85.883.962.767)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(169.588.628.086)	(69.553.703.544)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(3.234.713.102)	(27.873.102.580)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(53.963.285.494)	(18.131.109.471)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.708.670.709)	(4.946.880.616)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.270.189.772)	(2.386.458.270)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(152.083.452.719)	(31.902.680.099)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(136.456.782.226)	(100.880.718.588)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		72.065.045.452	26.348.709.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.500.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		568.627.344	232.183.926
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(66.323.109.430)	(74.299.825.571)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	278.000.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.17	755.696.061.266	803.881.224.552
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.17	(639.516.649.680)	(826.062.792.392)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.960.890.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		84.218.521.586	255.818.432.160
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(134.188.040.563)	149.615.926.490
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		157.425.399.323	7.809.472.833
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	23.237.358.760	157.425.399.323

Thành phố Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ DUYỀN

LÊ THỊ HUYỀN

TRẦN VĂN MỸ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và 01 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh và sửa chữa ô tô.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động liên quan đến đấu giá)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng, thuộc Phụ lục I, Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm
- Cho thuê xe có động cơ.

4. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (Hợp nhất)

Trong năm, do nhu cầu thị trường mua xe giảm dẫn đến doanh thu giảm 8% so với năm trước nhưng Tập đoàn vẫn phải gánh chịu các chi phí cố định như chi phí khấu hao tài sản, chi phí nhân viên và chi phí hoạt động khác dẫn đến lợi nhuận năm nay giảm mạnh.

5. Các Công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 01 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam	99,33%	0%	99,33%	0%	99,33%	0%

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 474 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 585 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: toàn bộ là chi phí của việc sửa chữa xe chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

8. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

9. Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuê thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được chủ sở hữu Tập đoàn phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ sửa chữa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ cho thuê xe, địa điểm kinh doanh được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay Hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay Hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế thu nhập DN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định Hợp nhất biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.293.233.057	6.863.847.488
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.944.125.703	40.561.551.835
- Các khoản tương đương tiền	-	110.000.000.000
Cộng	23.237.358.760	157.425.399.323

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Tây Sài Gòn kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 4,6%/năm và 4,5%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>63.192.533.007</i>	<i>12.330.527.492</i>
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tương Lai Việt	27.723.976.345	-
- Khách hàng khác	35.468.556.662	12.330.527.492
Cộng	63.192.533.007	12.330.527.492

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.802.659.692</i>	<i>74.838.664.364</i>
- Công ty CP Xây lắp Điện công trình Thăng Long ⁽¹⁾	5.001.000.001	26.456.345.601
- Đối tượng khác	801.659.691	48.382.318.763
Cộng	5.802.659.692	74.838.664.364

⁽¹⁾ Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp điện công trình Thăng Long theo các hợp đồng thi công tháo dỡ, xây dựng showroom ô tô MG.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>14.354.747.259</i>	<i>47.194.578.773</i>
- Công ty TNHH SAIC MOTOR Việt Nam ^(*)	13.930.257.785	42.851.713.190
- Tạm ứng của nhân viên	310.868.045	1.085.399.905
- Phải thu khác	113.621.429	3.257.465.678
Cộng	14.354.747.259	47.194.578.773

^(*) Là khoản phải thu tiền theo chính sách bán hàng cho khách của nhà phân phối - Công ty TNHH Saic Motor Việt Nam

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>2.531.000.000</i>	<i>2.302.000.000</i>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP ^(*)	1.040.000.000	1.040.000.000
- Khách hàng khác	1.491.000.000	1.262.000.000
Cộng	2.531.000.000	2.302.000.000

^(*) Là khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP theo hợp đồng số 03/HĐTD ngày 16 tháng 06 năm 2020 và hợp đồng số 01/HĐTD ngày 08 tháng 03 năm 2022 về việc thuê bãi đỗ xe, văn phòng và xưởng sửa chữa xe ô tô.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<i>333.652.480</i>	-	<i>333.652.480</i>
- Công ty XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	Trên 3 năm	68.800.000
- Hợp doanh DMC – FER	Trên 3 năm	53.650.000	Trên 3 năm	53.650.000
- Công ty CP SX và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	Trên 3 năm	41.987.000
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	169.215.480	Trên 3 năm	169.215.480
Cộng	-	333.652.480	-	333.652.480

^(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(333.652.480)	(385.474.615)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	51.822.135
Số cuối năm	(333.652.480)	(333.652.480)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	21.592.500	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	7.708.684.750	(1.405.659.907)	3.688.991.886	(1.405.659.907)
- Công cụ, dụng cụ	311.102.397	-	343.994.681	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.421.888.056	-	520.067.148	-
- Hàng hóa ⁽²⁾	289.736.776.994	-	124.992.840.327	-
Cộng	299.200.044.697	(1.405.659.907)	129.545.894.042	(1.405.659.907)

⁽¹⁾ Là phụ tùng, vật tư sửa chữa xe ô tô.

⁽²⁾ Là xe ô tô dùng để bán.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay là 174.858.581.455 đồng (xem thuyết minh tại mục V.17).

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	881.800.786	2.004.920.456
- Phí bảo hiểm cháy nổ	159.629.165	135.434.040
- Sửa chữa văn phòng	19.215.998	249.002.268
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.045.503.591	4.988.149.344
Cộng	4.106.149.540	7.377.506.108

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.377.506.108	594.094.211
Tăng trong năm	21.729.015.086	15.553.897.529
Tăng/giảm do điều chỉnh từ dài hạn sang ngắn hạn	(15.200.000)	1.750.177.659
Phân bổ trong năm	(24.985.171.654)	(10.520.663.291)
Số cuối năm	4.106.149.540	7.377.506.108

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.244.642.952	6.966.522.938
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	6.435.486.533	4.399.131.224
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.996.611.602	4.697.954.084
Cộng	14.676.741.087	16.063.608.246

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.063.608.246	4.715.910.672
Tăng trong năm	9.170.698.216	14.985.163.102
Tăng/giảm do điều chỉnh dài hạn, ngắn hạn	15.200.000	(1.750.177.659)
Tăng do hợp nhất	103.753.855	-
Phân bổ trong năm	(7.317.092.236)	(1.887.287.869)
Giảm do điều chỉnh khác	(3.359.426.994)	-
Số cuối năm	14.676.741.087	16.063.608.246

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	69.240.660.669	1.047.558.440	86.516.992.511	909.818.454	580.330.887	158.295.360.961
Tăng trong năm	51.328.699.651	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	81.110.383.566
- Tăng do hợp nhất	1.818.181.818	-	-	-	-	1.818.181.818
- Mua trong năm	43.709.456.546	3.694.167.846	24.776.968.680	969.853.500	340.693.889	73.491.140.461
- Tăng từ XDCB	5.396.230.400	-	-	-	-	5.396.230.400
- Tăng phân loại lại tài sản	404.830.887	-	-	-	-	404.830.887
Giảm trong năm	24.625.748.669	2.322.000.000	51.913.963.163	583.221.500	404.830.887	79.849.764.219
- Thanh lý, nhượng bán	24.207.837.995	2.200.000.000	51.913.963.163	583.221.500	-	78.905.022.658
- Giảm phân loại lại tài sản	417.910.674	122.000.000	-	-	404.830.887	944.741.561
Số cuối năm	95.943.611.651	2.419.726.286	59.379.998.028	1.296.450.454	516.193.889	159.555.980.308
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	21.050.978.278	660.436.165	14.024.060.213	342.604.879	36.266.479	36.114.346.014
Tăng trong năm	14.627.796.637	371.068.711	8.941.452.025	282.062.499	112.838.679	24.335.218.551
- Tăng do hợp nhất công ty con	1.017.986.305	-	-	-	-	1.017.986.305
- Khấu hao trong năm	13.609.810.332	371.068.711	8.936.893.242	282.062.499	112.838.679	23.312.673.463
- Phân loại lại	-	-	4.558.783	-	-	4.558.783
Giảm trong năm	1.294.524.524	1.639.785	10.175.955.537	50.221.850	-	11.522.341.696
- Thanh lý, nhượng bán	1.262.105.029	-	10.175.955.537	50.221.850	-	11.488.282.415
- Phân loại lại	32.419.495	1.639.785	-	-	-	34.059.281
Số cuối năm	34.384.250.391	1.029.865.091	12.789.556.701	574.445.528	149.105.158	48.927.222.869
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	48.189.682.391	387.122.275	72.492.932.298	567.213.575	544.064.408	122.181.014.947
Số cuối năm ^(*)	61.559.361.260	1.389.861.195	46.590.441.327	722.004.926	367.088.731	110.628.757.439

(*) Trong đó: Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 dùng để cầm cố đảm bảo nợ vay là 19.075.636.461 đồng. (Xem tại thuyết minh V.17).

Nguyên giá của các tài sản đã hết giá trị còn lại nhưng còn sử dụng: 6.359.191.324 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	88.160.000	88.160.000
Tăng trong năm	26.460.202.800	-	26.460.202.800
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	26.460.202.800	88.160.000	26.548.362.800
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		88.160.000	88.160.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	73.420.000	73.420.000
Tăng trong năm	-	14.740.000	14.740.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	88.160.000	88.160.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	14.740.000	14.740.000
Số cuối năm	26.460.202.800	-	26.460.202.800

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là khoản tiền trả trước cho ông Trần Khắc Phục theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc nhận chuyển nhượng thửa đất tại phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tại ngày 31/12/2025, chưa hoàn tất thủ tục sang tên dự kiến cuối quý 2/2026 sẽ hoàn tất.

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt	-	58.777.137.155	(410.807.948)	58.366.329.207
Cộng	-	58.777.137.155	(410.807.948)	58.366.329.207

13. Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	25.779.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Ô Tô Cần Thơ	25.779.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.287.393.583	21.656.298.959
- Công ty TNHH SAIC MOTOR Việt Nam	2.364.003.762	15.211.720.004
- Khách hàng khác	2.923.389.821	6.444.578.955
Cộng	31.066.393.583	21.656.298.959

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chủ yếu là tiền khách hàng trả tiền trước để mua xe. Chi tiết như sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	6.771.918.591	17.398.116.809
- Người mua trả trước tiền mua xe ô tô và sửa chữa	6.771.918.591	17.398.116.809
Cộng	6.771.918.591	17.398.116.809

15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Tăng do hợp nhất	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT phải nộp	641.338.247	-	-	7.165.880.913	(6.890.418.558)	916.800.602	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.160.620.312	-	1.773.761	9.393.305.507	(32.270.189.772)	9.283.736.047	1.773.761
- Thuế thu nhập cá nhân	394.619.558	-	-	2.856.819.167	(2.764.933.315)	486.505.410	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	234.941.748	(234.941.748)	-	-
- Các loại thuế, phí và lệ phí khác	-	-	-	1.429.989.375	(1.429.989.375)	-	-
Cộng	33.196.578.117	-	1.773.761	21.080.936.710	(43.590.472.768)	10.687.042.059	1.773.761

15a. Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

15b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải nộp thuế phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.292.302.411	160.378.966.009
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.736.866.153	424.135.551
+ CP không được trừ	96.058.205	-
+ Thu lao HĐQT không chuyên trách	1.230.000.000	-
+ Lợi thế thương mại	410.807.948	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	47.029.168.564	160.803.101.560
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	(610.488.331)	-
Thu nhập tính thuế	46.418.680.233	161.099.156.117
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.283.736.047	32.160.620.312
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	109.569.460	70.504.741
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	9.393.305.507	32.231.125.053

15c. Các loại thuế khác

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	921.364.638	2.357.749.402
- Kinh phí công đoàn	356.223.330	-
- Ký quỹ, ký cược	420.000.000	420.000.000
- Công ty TNHH Khách sạn Grand Imperial Saigon	-	1.320.000.000
- Khách hàng khác	145.141.308	617.749.402
Cộng	921.364.638	2.357.749.402

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	142.179.709.346	142.179.709.346	26.000.297.760	26.000.297.760
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	59.643.273.856	59.643.273.856	16.954.000.000	16.954.000.000
- Ngân hàng HSBC Chi nhánh HCM ⁽²⁾	30.405.289.570	30.405.289.570	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽³⁾	16.287.060.480	16.287.060.480	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương ⁽⁴⁾	17.191.200.000	17.191.200.000	9.046.297.760	9.046.297.760
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên ⁽⁵⁾	18.652.885.440	18.652.885.440	-	-
Cộng	142.179.709.346	142.179.709.346	26.000.297.760	26.000.297.760

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 252991/028/2025-HĐCVHM/NHCT923-PTM ngày 27/06/2025. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng. Mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh các mẫu xe MG. Thời hạn vay 05 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là tài sản cố định và hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.7, V.9).

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng HSBC Chi nhánh HCM ngày 27/08/2024 và văn bản sửa đổi ngày 22/01/2025 Hạn mức 200.000.000.000 đồng, Thời hạn vay 04 tháng. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.7).

⁽³⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4820300/HĐTD ngày 28/05/2025. Hạn mức tín dụng tối đa 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.7).

⁽⁴⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương được sử dụng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời gian cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.7).

⁽⁵⁾ Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01-LBHN/2025/4820300/HĐTD ngày 28/05/2025. Hạn mức 150.000.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay. (Xem tại thuyết minh V.7).

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	26.000.297.760	755.696.061.266	(639.516.649.680)	142.179.709.346
Cộng	26.000.297.760	755.696.061.266	(639.516.649.680)	142.179.709.346

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết phụ lục số 01.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	165.179.600.000	51,62	165.179.600.000	51,62
- Bà Vũ Thị Hạnh	36.214.100.000	11,32	-	-
- Bà Nguyễn Thị Liên	20.000.000.000	6,25	20.000.000.000	6,25
- Các cổ đông khác	98.606.300.000	30,81	134.820.400.000	42,13
Cộng	320.000.000.000	100,00	320.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	320.000.000.000	320.000.000.000	-
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	1.245.530.732.235	1.382.787.307.007
- Doanh thu sửa chữa xe	44.289.095.113	12.251.769.540
- Doanh thu hoạt động cho thuê xe	10.778.300.621	16.420.389.897
- Doanh thu hoạt động cho thuê địa điểm	2.587.272.726	1.909.090.908
- Doanh thu hoạt động khác	839.736.641	1.203.247.162
Cộng ^(*)	1.304.025.137.336	1.414.571.804.514

(*) Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	27.874.545.445	5.859.988.307
- Doanh thu cho thuê địa điểm	1.272.727.272	1.909.090.908
- Doanh thu hoạt động khác	469.634.591	1.504.322.469
Cộng	29.616.907.308	9.273.401.684

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn kinh doanh xe	1.086.978.748.410	1.137.469.039.316
- Giá vốn sửa chữa xe	42.875.603.220	13.317.440.153
- Giá vốn hoạt động cho thuê xe	5.675.851.882	7.621.465.284
- Giá vốn cho thuê địa điểm	1.708.625.517	1.674.993.042
- Giá vốn hoạt động khác	50.760.948	22.668.952
Cộng	1.137.289.589.977	1.160.105.606.747

3. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay.

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	38.710.007.099	35.294.420.151
- Chi phí vật liệu, bao bì	282.036.385	177.103.591
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	347.505.455	308.829.178
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.518.576.267	3.318.943.520
- Chi phí bảo hành	403.105.306	354.836.646
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.328.431.808	9.317.989.007
- Chi phí bằng tiền khác	24.594.376.317	31.789.404.022
Cộng	94.184.038.637	80.561.526.115

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	27.988.271.024	15.384.245.940
- Chi phí vật liệu quản lý	5.916.052.206	1.922.354.284
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.207.576.661	3.684.219.552
- Hoàn nhập dự phòng	-	(51.822.135)
- Lợi thế thương mại	410.807.948	-
- Thuế, phí và lệ phí	1.052.040.129	1.164.377.526
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	545.828.497	651.913.564
- Chi phí bằng tiền khác	18.691.340.353	13.925.773.696
Cộng	65.811.916.818	36.681.062.427

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản hỗ trợ từ nhà máy Saic Motor Việt Nam	42.625.430.605	26.908.016.764
- Lãi từ thanh lý	4.393.125.196	1.006.156.800
+ Thu nhập từ thanh lý	72.065.045.452	26.348.709.091
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý	(67.416.740.242)	(25.342.552.291)
+ Chi phí thanh lý	(255.180.014)	-
- Lãi từ thanh lý CCDC	-	3.511.111
+ Thu nhập thanh lý	-	9.916.659
+ Chi phí thanh lý	-	(6.405.548)
- Thu nhập từ hoạt động khác	111.461.519	15.223.752
Cộng	47.130.017.320	27.932.908.427

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí Thanh lý CCDC	236.854.505	62.854.953
- Thu nhập thanh lý	1.345.000.000	-
- Chi phí thanh lý	1.581.854.505	-
- Các khoản khác	200.639.185	-
Cộng	437.493.690	62.854.953

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	35.898.996.904	128.147.840.956
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(4.069.922)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.894.926.982	128.147.840.956
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	32.000.000	13.817.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.122	9.274

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	35.898.996.904	128.147.840.956
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(4.069.922)	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	35.894.926.982	128.147.840.956
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	32.000.000	13.817.486
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày kết thúc kỳ kế toán (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.122	9.274

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng dụng cụ	30.760.060.997	7.402.541.499
- Chi phí nhân công	77.336.208.691	53.613.370.555
- Chi phí đồ dùng	1.568.207.740	2.394.089.769
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.327.413.463	12.836.853.385
- Thuế, phí và lệ phí	1.431.917.298	1.164.377.526
- Chi phí bảo hành	-	354.836.646
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.972.211.207	13.957.266.248
- Chi phí bằng tiền khác	46.268.887.371	59.616.861.954
Cộng	209.664.906.767	151.340.197.582

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*). Chi tiết như sau:

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Trần Văn Mỹ	Tổng Giám đốc	1.080.000.000	910.000.000
- Bùi Thị Thanh Nhân	Kế toán trưởng	-	180.000.000
- Lê Thị Huyền	Kế toán trưởng	720.000.000	240.000.000
Cộng		1.800.000.000	1.330.000.000

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	120.000.000
- Đỗ Tiến Dũng	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Trần Văn Mỹ	Thành viên	210.000.000	60.000.000
- Vũ Ngọc Diệp Linh	Thành viên	137.692.308	60.000.000
- Hoàng Đức Hùng	Thành viên	30.000.000	60.000.000
- Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thành viên	180.000.000	-
- Vũ Thị Mai	Thành viên	72.307.692	-
Cộng		1.440.000.000	360.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Công ty con của Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh		
- Doanh thu cho thuê xe, cho thuê mặt bằng, sửa chữa xe và khác	1.339.675.310	1.969.446.064
- Doanh thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	3.628.181.818
- Mua nguyên vật liệu	88.746.499	4.338.133
- Chi phí mua xe, bảo dưỡng, sửa chữa xe và khác	4.935.690.417	24.073.284.524
- Chi phí thuê kho	5.280.000.000	-
- Chia cổ tức	16.517.960.000	-
Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
- Doanh thu bán xe	22.679.999.991	2.188.731.637
- Doanh thu trang bị, sửa chữa và khác	140.228.586	184.773.718
- Doanh thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	457.716.659
- Chi phí bảo dưỡng, sửa xe, phụ tùng, phụ kiện và khác	759.075.746	52.534.000
- Chi phí mua xe	39.922.727.263	18.545.454.535
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây		
- Doanh thu bán xe, bán phụ tùng, sửa chữa xe và khác	228.857.957	447.097.243
- Doanh thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	395.454.545
- Chi phí dịch sửa chữa xe, phụ tùng, phụ kiện và khác	639.206.041	717.430.480
- Chi phí mua xe	-	423.636.364
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái		
- Doanh thu vận chuyển xe	33.600.010	-

Số dư với bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.13.

3. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Kinh doanh xe	1.245.530.732.235	1.086.978.748.410	158.551.983.825
Dịch vụ sửa chữa xe	44.289.095.113	42.875.603.220	1.413.491.893
Cho thuê xe	10.778.300.621	5.675.851.882	5.102.448.739
Cho thuê địa điểm	2.587.272.726	1.708.625.517	878.647.209
Hoạt động khác	839.736.641	50.760.948	788.975.693
Cộng	1.304.025.137.336	1.137.289.589.977	166.735.547.359

Năm trước

Kinh doanh xe	1.382.785.715.155	1.137.467.437.464	245.318.277.691
Dịch vụ sửa chữa xe	12.251.769.540	13.317.440.153	(1.065.670.613)
Cho thuê xe	16.424.945.873	7.621.465.284	8.803.480.589
Cho thuê địa điểm	1.909.090.908	1.674.993.042	234.097.866
Hoạt động khác	1.200.283.038	24.270.804	1.176.012.234
Cộng	1.414.571.804.514	1.160.105.606.747	254.466.197.767

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Tài sản thế chấp

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã dùng một số tài sản là hàng tồn kho và tài sản cố định là xe demo để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay. Tại ngày 31/12/2025, giá trị hàng tồn kho hình thành theo các lần giải ngân và giá trị tài sản cố định còn lại dùng để thế chấp lần lượt là 174.858.581.455 đồng và 19.075.636.461 đồng (Xem tại thuyết minh V.6, V.8).

Nhận tài sản của đơn vị khác để bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (Công ty mẹ) cam kết bảo lãnh cho các khoản vay của Tập đoàn tại ngân hàng không vượt quá 120.000.000.000đ (Trong đó Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương chấp nhận bảo lãnh vay vốn không quá 55.000.000.000 đồng và tài sản thế chấp là Bất động sản số BV 137220 địa chỉ số 57A Võ Văn Kiệt, Khu phố 3, Phường An Lạc, TP. Hồ Chí Minh.)

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (Hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (Hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (Hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (Hợp nhất).

Thành phố Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ DUYỀN

LÊ THỊ HUYỀN

TRẦN VĂN MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Địa chỉ: Số 256 Kim Giang, Phường Định Công, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	4	5	6	7
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	42.000.000.000	20.000.000	122.922.480	18.168.587.403	-	60.311.509.883
2. Tăng trong kỳ trước	278.000.000.000	-	-	128.147.840.956	-	406.147.840.956
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	128.147.840.956	-	128.147.840.956
- Góp vốn	278.000.000.000	-	-	-	-	278.000.000.000
3. Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	-	466.459.350.839
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	146.316.428.359	-	466.459.350.839
6. Tăng trong kỳ này	-	-	-	35.894.926.982	69.592.491	35.964.519.473
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	35.894.926.982	4.069.922	35.898.996.904
- Bút toán ảnh hưởng do hợp nhất lần đầu	-	-	-	-	65.522.569	65.522.569
7. Giảm trong kỳ này	-	-	-	(32.000.000.000)	-	(32.000.000.000)
- Chi cổ tức	-	-	-	(32.000.000.000)	-	(32.000.000.000)
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	320.000.000.000	20.000.000	122.922.480	150.211.355.341	69.592.491	470.423.870.312

Người lập biểu



PHẠM THỊ DUYÊN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HUYỀN

Thành phố Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN MỸ

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CTCP SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

Thành phố Hà Nội, Ngày 04 tháng 03 năm 2026



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Mỹ